

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
I. ĐẶT VẤN ĐỀ .....	1
II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	2
1. Căn cứ Luật .....	2
2. Căn cứ Nghị định .....	3
3. Căn cứ Thông tư .....	3
4. Các văn bản của địa phương .....	4
5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn .....	4
III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN .....	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	6
1. TÊN CHỦ CƠ SỞ: HỘ CHĂN NUÔI TRỊNH VĂN NĂM .....	6
2. TÊN CƠ SỞ: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH KHÉP KÍN .....	6
2.1. Địa điểm cơ sở và môi trường xung quanh .....	6
2.1.1. Địa điểm cơ sở .....	6
2.1.2. Môi trường xung quanh của trang trại với đối tượng kinh tế - xã hội .....	7
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở .....	8
2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường .....	8
2.4. Quy mô của cơ sở .....	8
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ .....	8
3.1. Công suất của cơ sở .....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	8
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	11
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ .....	11
4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của cơ sở .....	11
4.2. Nhu cầu sử dụng điện .....	15
4.3. Nhu cầu sử dụng nước .....	15
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ .....	16
5.1. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại cơ sở .....	16
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở .....	18
5.2.1. Các hạng mục công trình chính .....	19

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở.....	19
5.3. Tiến độ thực hiện của cơ sở.....	20
<b>CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>21</b>
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG .....	21
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	21
2.1. Đối với môi trường nước.....	21
2.2. Đối với môi trường không khí.....	22
2.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại .....	23
<b>CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>25</b>
1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	25
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	25
1.2. Thu gom, thoát nước thải: .....	26
1.3. Xử lý nước thải:.....	26
2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI .....	30
2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ trại nuôi.....	30
2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác .....	32
3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG .....	34
4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI ..	36
5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	38
6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH TRANG TRẠI. ....	39
6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải .....	39
6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước .....	39
6.1.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.....	39
6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại .....	40
6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.....	40
6.3. Phòng ngừa dịch bệnh .....	41
6.3.1. Yêu cầu về sát trùng .....	41
6.3.2. Vệ sinh phòng bệnh .....	41
6.3.3. Vệ sinh nguồn nước .....	41
6.3.4. Vệ sinh thức ăn .....	41
6.3.5. Vệ sinh nhân lực .....	42

6.3.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị .....	42
6.3.7. Phát hiện bệnh sớm .....	42
6.3.8. Điều trị bệnh sớm .....	42
6.3.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro .....	42
6.4. Biện pháp an toàn lao động .....	43
7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:.....	43
8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI.....	43
9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC .....	43
10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG .....	43
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	45
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI .....	45
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI .....	46
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	48
4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI.....	49
4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh .....	49
4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại .....	50
4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.....	50
4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại).....	50
4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.....	51
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	52
1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	52
2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI .....	52
2.1. Chỉ tiêu đo đạc và phân tích .....	52
2.2. Thời, gian, vị trí lấy mẫu .....	52
2.3. Kết quả đo đạc, phân tích .....	52
3. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC DƯỚI ĐẤT.....	53
2.1. Chỉ tiêu đo đạc và phân tích .....	53
2.2. Thời, gian, vị trí lấy mẫu .....	53
2.3. Kết quả đo đạc, phân tích .....	53
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .	55

1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ .....	55
2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM .....	55
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	57
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN CƠ SỞ .....	58
PHỤ LỤC .....	60

## MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Hệ tọa độ VN 2000 ranh giới dự án .....	6
Bảng 2: Khối lượng thức ăn cho gà trong các giai đoạn phát triển.....	12
Bảng 3: Nhu cầu sử dụng hoá chất, thuốc thú y, vắc xin.....	12
Bảng 4: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà .....	14
Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của trang trại .....	16
Bảng 6: Danh mục máy móc thiết bị tại trang trại .....	17
Bảng 7: Các hạng mục công trình .....	18
Bảng 8: Tiến độ triển khai thực hiện của hộ chăn nuôi .....	20
Bảng 9: Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.....	27
Bảng 10: Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.....	29
Bảng 11: Khối lượng chất thải chăn nuôi trong giai đoạn vận hành.....	34
Bảng 12: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại.....	36
Bảng 13: Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.....	44
Bảng 14: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt.....	46
Bảng 15: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải xung quanh .....	47
Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải công nghiệp .....	47
Bảng 17: Giá trị giới hạn đối với độ ồn.....	48
Bảng 18: Giá trị giới hạn đối với độ rung .....	48
Bảng 19: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	49
Bảng 20: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh .....	49
Bảng 21: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại.....	49
Bảng 22: Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc bụi, khí thải .....	52
Bảng 23: Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước dưới đất .....	53
Bảng 24: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	55
Bảng 25: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	56

**MỤC LỤC HÌNH**

Hình 1: Vị trí cơ sở chăn nuôi trong khu vực.....	7
Hình 2: Sơ đồ quy trình chăn nuôi gà thịt .....	9
Hình 3: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa .....	25
Hình 4: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải .....	26
Hình 5: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	27
Hình 6: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi .....	28
Hình 7: Cấu tạo mương sinh học.....	29
Hình 8: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi trại nuôi .....	30
Hình 9: Hệ thống phun sương kết hợp lưới len.....	31

## PHẦN MỞ ĐẦU

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu của nhà đầu tư Trịnh Văn Năm được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 31/12/2020.

Ngày 05/05/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Hộ chăn nuôi Trịnh Văn Năm tại Quyết định số 990/QĐ-UBND, với quy mô, diện tích như sau:

- Công suất 60.000 con/lúa.
- Diện tích đất sử dụng: 11.693,5 m<sup>2</sup>
- Vốn đầu tư: 5.000.000.000 đồng.

Các căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường:

- Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Quy mô dự án đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Căn cứ mục II số thứ tự 5.2.1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Theo đó, Cơ sở chăn nuôi gà công nghiệp hướng thịt với quy mô 60.000 con/lúa (05 lúa/năm), tương đương 300 đơn vị vật nuôi ((60.000 con x 2,5 kg)/500).

- Căn cứ số thứ tự 16, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở “Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín” của Hộ chăn nuôi Trịnh Văn Năm với quy mô 60.000 con/lúa (05 lúa/năm), tương đương 300 đơn vị vật nuôi thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4, từ 100 – 1.000 đơn vị vật nuôi).

- Căn cứ Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án được phân loại thuộc nhóm II dựa trên tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư theo quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể: “*Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4), Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (mục I.1)*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh*

*chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”.*

Trên cơ sở các quy định trên, Hộ chăn nuôi Trịnh Văn Năm tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín”, công suất 60.000 con/lứa tại ấp Phước Tân 3, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo mẫu Báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, cấp phép theo quy định.

## **II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **1. Căn cứ Luật**

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001.

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 03/12/2004.

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006.

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023.

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/01/2024.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014.

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/6/2015.

- Luật Thú y số 97/2015/QH13 ngày 19/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015.

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018.

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.



- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

## **2. Căn cứ Nghị định**

- Nghị định số 14/2014/NĐ – CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

## **3. Căn cứ Thông tư**

- Thông tư số 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

#### **4. Các văn bản của địa phương**

- Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

- Kế hoạch số 3625/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045.

- Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

#### **5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn**

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 07-2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước.

- QCVN 07-5:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện.

- QCVN 62-MT/2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

### **III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN**

- Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu của nhà đầu tư Trịnh Văn Năm.

- Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, công suất: 60.000 con/lứa của Hộ chăn nuôi Trịnh Văn Năm.

- Thông báo số 1522/SNN-TTĐ ngày 13/5/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình Trại lạnh khép kín.

- Giấy phép xây dựng số 21/GPXD ngày 28/5/2021 của UBND huyện Dương Minh Châu.

- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 3762A/2024/HĐ-TĐX ngày 30/7/2024.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Trịnh Văn Năm.

## CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. TÊN CHỦ CƠ SỞ: HỘ CHĂN NUÔI TRỊNH VĂN NĂM

- Địa chỉ văn phòng (địa chỉ liên hệ): ấp Phước Tân 3, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Trịnh Văn Năm.

- Điện thoại: 094.7577577

### 2. TÊN CƠ SỞ: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH KHÉP KÍN

#### 2.1. Địa điểm cơ sở và môi trường quan

##### 2.1.1. Địa điểm cơ sở

Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của ông Trịnh Văn Năm được xây dựng trên thửa đất số 32 tờ bản đồ số 25 thuộc ấp Phước Tân 3, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, với tổng diện tích 11.693,5 m<sup>2</sup>.

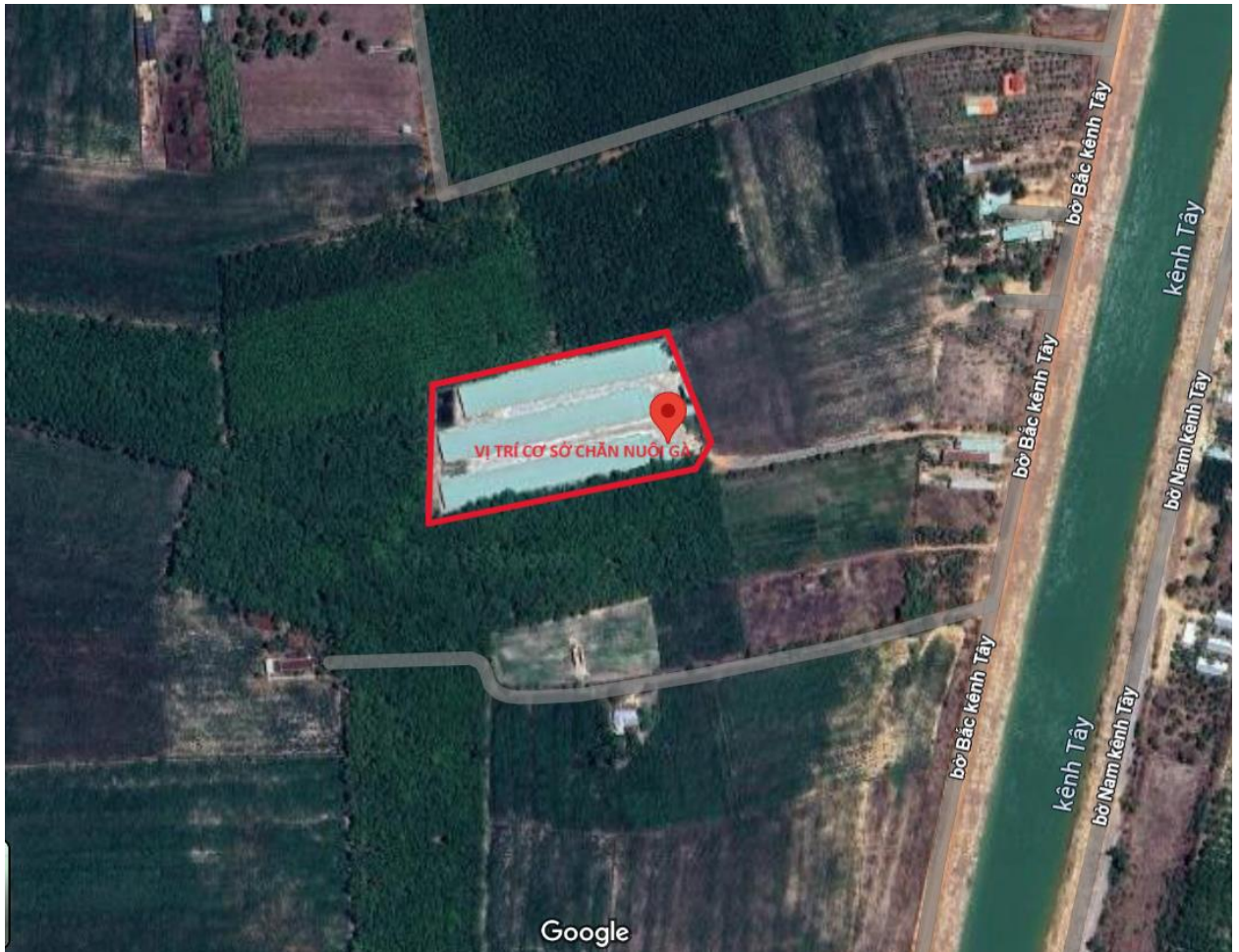
Vị trí khu đất trang trại có tọa độ mốc ranh giới như sau:

**Bảng 1: Hệ tọa độ VN 2000 ranh giới dự án**

STT	Tọa độ	
	X	Y
1	1254 510,52	579 456,56
2	1254 509,68	579 452,99
3	1254 470,14	579 298,99
4	1254 473,01	579 296,82
5	1254 547,53	579 294,56
6	1254 563,75	579 362,93
7	1254 567,34	579 376,06
8	1254 573,95	579 397,08
9	1254 584,31	579 429,98
10	1254 585,56	579 432,97

Khu đất trang trại chăn nuôi có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: giáp đất trồng cao su.
- Phía Tây: giáp đường đất nhỏ và đất trồng mì.
- Phía Nam: giáp đất trồng mì.
- Phía Bắc: giáp đất trồng cao su.



**Hình 1: Vị trí cơ sở chăn nuôi trong khu vực**

### **2.1.2. Mối tương quan của trang trại với đối tượng kinh tế - xã hội**

- Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Hộ chăn nuôi Trịnh Văn Năm có tuyến đường giao thông nông thôn đến trang trại, do đó rất thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa của trại và đi lại của nhân dân trong vùng. Có hệ thống lưới điện quốc gia đi qua thuận lợi cho việc sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt của trại chăn nuôi.

- Trang trại chăn nuôi nằm cách đường liên xã Suối Đá - Phước Ninh - Phước Minh khoảng 933m theo hướng Đông Bắc, cách nghĩa trang liên xã khu CB khoảng 1,26km theo hướng Tây Bắc; cách UBND xã Phan, trạm y tế, trường học khoảng 3,2km về hướng Tây; cách nhà máy khoai mì Hưng Long 810m hướng Bắc; cách bờ bắc kênh tây 200m về hướng Đông. Trong vòng bán kính 500 m có 01 hộ dân sinh sống, xung quanh dự án chủ yếu là đất trồng mì và cây cao su.

- Xung quanh trang trại không có vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển; nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; các khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng.

- Với khoảng cách và vị trí này của cơ sở phù hợp với QCVN 01-15:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/01/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ

thuật quốc tế về điều kiện chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi.

## **2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở**

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thì Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường là UBND tỉnh Tây Ninh.

## **2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, công suất 60.000 con/lứa của Hộ chăn nuôi Trịnh Văn Năm.

## **2.4. Quy mô của cơ sở**

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Quy mô cơ sở thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

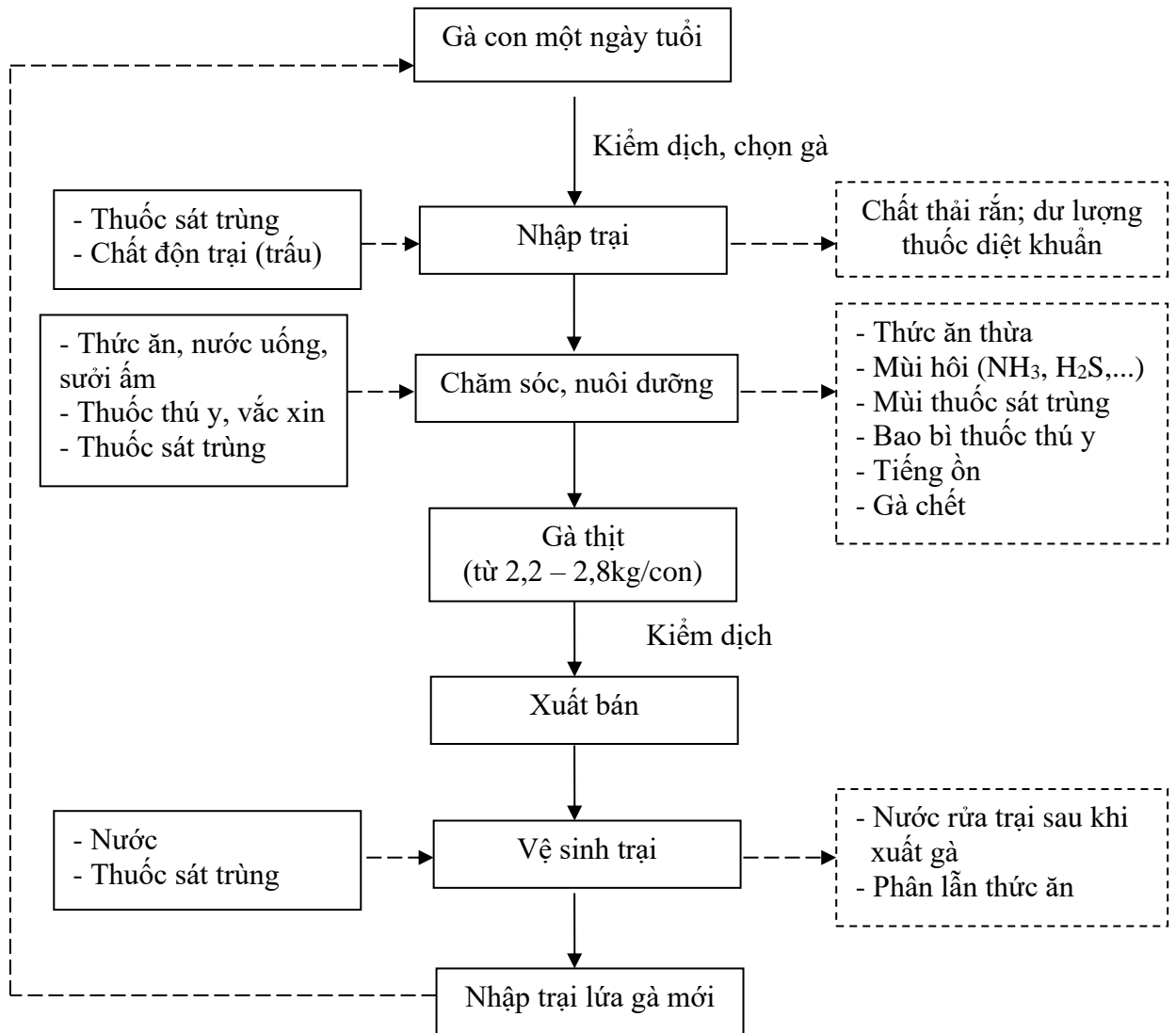
## **3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ**

### **3.1. Công suất của cơ sở**

Quy mô, công suất cơ sở: 60.000 con/lứa (05 lứa/năm).

### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Công nghệ sản xuất, vận hành của trang trại bao gồm các hoạt động chính trong quá trình chăn nuôi gà được trình bày cụ thể trong hình sau:



**Hình 2: Sơ đồ quy trình chăn nuôi gà thịt**

\* **Thuyết minh công nghệ:** Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của trại là gà giống một ngày tuổi. Quy trình công nghệ chăn nuôi được trình bày như sau:

**Rải trấu:** Rải trấu lên toàn bộ nền trại dày 10 cm và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào. Sau thời gian 7-10 ngày quan sát trên bề mặt trại khi nào thấy phân rải kín (nền trại dơ), ta cào sơ qua lớp mặt đệm lót (lưu ý: khi cào nên dồn gọn gà về từng phía một để tránh gây xáo trộn đàn gà). Sau khi cào lớp mặt xong thì phun đều chế phẩm sinh học để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân hủy nhanh hơn.

**Gà giống:** Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên, do Công ty Cổ phần CP Việt Nam cung cấp. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35-40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn.

**Nhập trại:**

- Gà con được chuyển từ máy ấp vào hộp giấy cứng có kích thước mỗi hộp là 40cmx60cmx18cm. Trong mỗi hộp chia làm 4 ngăn nhỏ, mỗi ngăn chứa 25 con gà.

- Trước khi nhập gà về, trại nuôi và các thiết bị sẽ được khử trùng kỹ trước khi nhập lứa mới vào nuôi. Gà sẽ được kiểm tra kỹ tình trạng sức khỏe đàn gà để khẳng định gà chuyển về đang khỏe mạnh.

- Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Đồng thời, trong mỗi dãy trại nuôi được trang bị các vách ngăn di động, các vách ngăn được điều chỉnh phù hợp với không gian cần thiết cho đàn gà theo từng giai đoạn. Sau đó, kéo rèm che kín trại, bật đèn sưởi ấm trong quay úm khoảng 2 giờ nếu thời tiết ngoài trời lạnh. Khi thả gà vào quay phải kiểm tra lại số lượng con sống và con chết. Loại bỏ những con chết và gà không đạt tiêu chuẩn ra khỏi trại.

- Cho gà nghỉ ngơi 10-20 phút rồi cho gà uống nước có pha 50g glucose với 1g vitamin C/3 lít nước để chống stress cho gà. Nước uống phải đảm bảo sạch và có độ ấm của nước từ 16-20°C. Nước uống cho gà 3-4 ngày đầu sẽ pha thêm kháng sinh Tetracyclin với tỷ lệ 0,5g/l hoặc Colistin tỷ lệ 0,1g/l và vitamin C tỷ lệ 100-150mg/l.

Trong giai đoạn gà từ 1 ngày đến 14 ngày tuổi do hệ tiêu hóa và hô hấp chưa hoàn thiện, sức đề kháng kém, gà con dễ bị nhiễm bệnh. Để đàn gà sinh trưởng phát triển tốt có tỷ lệ sống cao cần thực hiện úm gà con. Kỹ thuật úm gà con như sau:

- Dùng chụp úm gà bằng điện để sưởi ấm cho gà, quay gà gần dưới chụp sưởi để giữ nhiệt và đảm bảo nhiệt độ (tuần đầu: 32 - 34°C; tuần 2: 29 - 30°C; tuần 3: 26 - 27°C; tuần 4 22 - 25°C). Đồng thời, quan sát phản ứng của gà đối với nhiệt độ điều chỉnh cho phù hợp. Nhiệt độ vừa phải: gà phân bố đều, đi lại, ăn uống bình thường. Nhiệt độ thấp: gà tập trung lại gần nguồn nhiệt, đứng co ro, run rẩy. Nhiệt độ cao: gà tản ra xa nguồn nhiệt, nằm há mỏ, thở mạnh, uống nhiều nước.

- Gà nhập về được thả trên nền bê tông có lớp trấu dày khoảng 10 cm. Sau 5 - 7 ngày với gà nuôi úm, 2 - 3 ngày với gà nuôi thịt, tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1-3cm. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền trại. Gà giống sẽ được nhập về theo từng đợt cho mỗi trại, khoảng cách giữa các đợt nhập không quá một tuần.

**Chăm sóc, nuôi dưỡng:** Trong quá trình nuôi từ lúc mới thả gà đến lúc gà trưởng thành và xuất trại, nhân viên của Công ty Cổ phần CP Việt Nam sẽ theo sát quá trình nuôi và có những hướng dẫn cụ thể cho chủ trang trại và những công nhân tham gia trực tiếp trong quá trình chăn nuôi. Mọi sự cố phát sinh sẽ do những nhân viên phụ trách này trực tiếp hướng dẫn khắc phục. Các bước chăm sóc, nuôi dưỡng được thực hiện như sau:

- Gà được nuôi theo quy trình kỹ thuật chăn nuôi trại lạnh khép kín với nhiệt độ trong nhà nuôi gà luôn được giữ ở mức từ 23°C đến 30°C, trung bình là khoảng 27°C.

- Cung cấp thức ăn: Cám sẽ được phân phối đến các máng ăn. Khi nguồn thức ăn trong máng ăn bị giảm xuống thì tiếp tục thêm thức ăn vào. Lượng thức ăn cung



cấp hàng ngày cho gà sẽ được tính toán sao cho vừa đủ nhu cầu của gà trong từng giai đoạn phát triển để tránh tình trạng thức ăn dư thừa rơi vãi xuống sàn gây mùi hôi thối. Gà cần được ăn liên tục, suốt ngày đêm để nhanh xuất trại. Mỗi ngày đồ và đảo thức ăn kích thích gà ăn ít nhất 4 lần gồm buổi sáng, trưa, chiều và 10 giờ đêm để gà được ăn suốt đêm. Trong quá trình nuôi nên chú ý phát hiện sớm gà bị què, bết chân, yếu để kịp thời tách ra nuôi riêng, chăm sóc tốt, để chúng lớn kịp theo đàn.

- Cung cấp nước uống: Nguồn nước cho gà uống cũng được cung cấp tự động, khi nguồn nước trong máng bị giảm xuống thì hệ thống sẽ tự động bơm thêm nước vào máng uống nhằm đảm bảo đủ nguồn nước uống cho gà. Các núm uống cảm ứng sẽ hạn chế được tình trạng nước đổ xuống sàn. Trong trường hợp cần cho gà uống vắc xin hoặc thuốc thú y thì sẽ được pha chung với nước.

- Sử dụng vắc xin cho gà: Loại và thời điểm sử dụng vắc xin được xem xét sao cho đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đàn gà dựa trên lịch dùng chung và lịch điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của khu vực.

- Trong quá trình nuôi, nguồn phát sinh nhiệt thừa, mùi trong trại từ quá trình thông tản gió, ngoài ra lượng chất thải rắn từ bao bì đựng thực phẩm và cá thể gà không đạt yêu cầu phát sinh, do đó chủ trang trại sẽ thường xuyên phun thuốc khử trùng, khử mùi quanh các trại nuôi, các phương tiện ra vào khu vực nuôi cũng cần khử trùng khi ra vào khu vực nuôi. Riêng đối với công nhân trực tiếp nuôi khi vào trại phải mang giày và quần áo bảo hộ đúng quy định, tất cả phải được khử trùng khi vào trại nuôi.

**Xuất trại:** Gà được nuôi trong một lứa với khoảng thời gian 45 ngày đạt được trọng lượng 2,2 - 2,8kg thì sẽ xuất trại, mỗi năm trang trại nuôi 5 lứa gà thịt, mỗi lứa nuôi trang trại sẽ xuất gà trong 3 ngày (1 ngày xuất 1 trại). Trước khi gà xuất trại được kiểm dịch, sau đó được đưa ra thị trường tiêu thụ.

**Vệ sinh trang trại:** Sau khi gà xuất trại, phân gà cùng trấu lót sẽ được xử lý các mầm bệnh bằng chế phẩm sinh học. Sau đó, được thu gom đóng bao loại 50kg và bán cho đơn vị có nhu cầu làm phân bón. Sau khi thu gom, phân gà còn sót trong trại nuôi sẽ được rửa sạch, 1 ngày xuất 1 trại, lượng nước vệ sinh của trại khoảng 1m<sup>2</sup>/trại/ngày (tương đương 3 m<sup>3</sup>/lứa nuôi). Do đó sau 01 dãy trại nuôi, chủ đầu tư sẽ xây dựng hồ lắng lọc 3 ngăn để xử lý nước thải, nước thải sau đó sẽ dẫn vào mương sinh học để tiếp tục xử lý. Trại nuôi sẽ được dọn dẹp sạch sẽ, nền trại được phun khử trùng toàn bộ khu vực nuôi bằng dung dịch formal 2%. Sau đó, trại nuôi sẽ được để trống ít nhất 15 ngày để chờ nuôi đợt tiếp theo.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Xuất bán gà thịt, với quy mô của trang trại chăn nuôi 60.000 con/lứa.

## 4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

### 4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của cơ sở

#### a) Nhu cầu về con giống

Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35-40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn

Nhu cầu về con giống là 60.000 con/lứa. Công ty Cổ phần CP Việt Nam là đơn vị cung cấp hoàn toàn con giống đầu vào cho trang trại.

**b) Nhu cầu về thức ăn**

Tất cả nguồn thức ăn tại trang trại được Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp định kỳ 5 ngày/lần. Nhu cầu về thức ăn cung cấp cho gà thịt theo từng giai đoạn phát triển của gà như sau:

**Bảng 2: Khối lượng thức ăn cho gà trong các giai đoạn phát triển**

STT	Giai đoạn	Trọng lượng gà dự kiến (kg/con)	Lượng thức ăn cung cấp (g/con/ngày)	Lượng thức ăn cung cấp trong 1 ngày (tấn/ngày)	Lượng thức ăn cung cấp trong 1 lứa nuôi (tấn/lứa)
1	Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi	0,4 – 0,9	54	3,24	45,36
2	Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi	0,9 – 2	90	5,4	81
3	Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại)	2 – 2,8	115	6,9	103,5
	<b>Tổng cộng</b>			<b>15,54</b>	<b>229,86</b>

Như vậy, khối lượng thức ăn được cung cấp trong một lứa nuôi vào khoảng **229,86 tấn/lứa** nuôi (45 ngày).

**c) Nhu cầu về hóa chất, vắc xin, thuốc thú y, vitamin:**

Nhu cầu vắc xin, thuốc thú y và thuốc sát trùng: Thuốc thú y, vắc xin trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn cho con giống. Toàn bộ lượng thú y, vắc xin, vitamin,...cho con giống được Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp. Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y tại trang trại cụ thể như sau:

**Bảng 3: Nhu cầu sử dụng hoá chất, thuốc thú y, vắc xin**

STT	Tên gọi	Chủng loại/Tác dụng	Đơn vị tính	Số lượng/1 lứa nuôi
1	Streptomycin	Thuốc kháng sinh	Lọ 1000mg	2.160
2	Gentamycin 4%		Túi 4000mg	200
3	Enrotis L.A		Lọ 1000mg	2.160
4	Ampicilin		Lọ 500mg	2.160

5	Nova – mycoplasma		Gói 1 kg	80
6	Penicilin		Lọ 1 mũi	2.160
7	Vaccine	Cúm gia cầm	Liều	60.000
8		Phòng bệnh Newcastle, chủng VG/GA trên gà	Liều	60.000
9		Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà, chủng H120	Liều	60.000
10	Thuốc thú y – vitamin	-	Liều	2.800
11	Chế phẩm EM Fert-1	Khử mùi và ủ phân	Kg	93
12	Chế phẩm EM Pro-1		Lít	93
13	Thuốc sát trùng Chloramin	Sát trùng xe, công nhân ra vào trại, phun xịt chuồng trại	Kg	78
14	Calcium Hypochlorite	Sử dụng khử trùng nước thải sau xử lý cho HTXLNT	Kg	300
15	Vôi bột	Sát trùng	Kg	600
16	Thuốc diệt côn trùng Raccumin 0.75TP	Diệt côn trùng, chuột	Kg	5
17	Chế phẩm sinh học Ecosorb 505	Khử mùi hôi sau quạt hút	Lít	300

**Ghi chú:** Thuốc sát trùng Asicide: Benzakonium chloride (100g), Glutaraldehyde (150g), dung môi vừa đủ (1.000ml), diệt các khuẩn gây đậu gà, Marek's, hội chứng phù đầu, viêm gan do virus, CRD, C.CRD, viêm khớp, bạch ly, thương hàn, cầu trùng, bệnh nấm phổi và các bệnh khác.

Trang trại chăn nuôi sử dụng hoá chất để sát trùng chuồng trại trước và sau mỗi đợt nuôi. Nhu cầu hoá chất sát trùng của trang trại như sau:

- Lối ra vào khu chăn nuôi: Trước cổng ra vào có hố sát trùng (50m<sup>2</sup>) có mái che, có độ dài tối thiểu bằng chu vi bánh xe ô tô vận tải cỡ lớn nhất. Hố sát trùng dùng vôi bột sát trùng.

- Sau mỗi đợt nuôi để trống chuồng ít nhất 2-4 tuần để làm vệ sinh tiêu độc sát trùng chuồng trại, gia cố sửa chữa chuồng, nền trước khi nuôi mới.

- Làm sạch sàn, tường chuồng, các lối đi xung quanh, rèm che, trần và các thiết bị bên trong bằng nước sạch. Sau đó, dùng dung dịch NaOH 2% hay nước vôi tôi 10-20% để xử lý chuồng trại, lối đi, quét tường, sát trùng cống rãnh.

- Riêng trâu được khử trùng bằng TH<sub>4</sub> 0,5-2% trước, sau đó mới khử trùng bằng phóc môn (formol) 2-5%.

- Hoá chất pha trong nước nóng 50-60°C có tác dụng diệt khuẩn tốt nhất.

+ Đối với mặt bằng lát xi măng, lát gạch, gỗ, tường, phun liều 200ml dung dịch/m<sup>2</sup>.

+ Đối với mặt đất chuồng trại cống rãnh phun liều 400 ml dung dịch/m<sup>2</sup>.

- Sát trùng lần 1 trước khi rải trấu: dùng thuốc sát trùng Omnicide pha với nước tỉ lệ 1:200 (phun 1 lít dung dịch trên 4m<sup>2</sup>). Sát trùng sau khi rải trấu: Dùng thuốc sát trùng Omnicide pha với nước tỉ lệ 1:400.

Ngoài ra, dự án sử dụng thêm chế phẩm vi sinh EM nhằm khống chế mùi hôi, diệt ruồi muỗi phát sinh trong khu vực nuôi và xung quanh trại nuôi, nhu cầu sử dụng như sau:

- Sau mỗi đợt xuất gà (45 ngày/đợt) và sau những lần đảo xới phân (1 lần/tuần) trong chuồng nuôi tiến hành dùng chế phẩm vi sinh EM (khử mùi, diệt ruồi muỗi) pha với nước tỉ lệ 1:100 phun trong chuồng nuôi và khu vực xung quanh trại (1 lít dung dịch phun trên 120 m<sup>2</sup>).

- Thực hiện tiêu độc sát trùng định kỳ mỗi tuần/lần (phun chế phẩm EM khử mùi, diệt ruồi muỗi) pha với nước theo tỉ lệ 1:100 phun trong chuồng nuôi và khu chuồng. Ngoài ra 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.

Nhu cầu bổ sung vitamin: Vitamin và khoáng chất vào nước uống, thức ăn để cung cấp các chất dinh dưỡng thiết yếu cho gà để giảm bệnh tật và giúp đàn gà phát triển nhanh. Định mức sử dụng vitamin cụ thể trong bảng sau:

**Bảng 4: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà**

STT	Vitamin	Đơn vị tính	Định mức
1	Vitamin A	IU/kg	7.000 – 10.000
2	Vitamin D3	IU/kg	1.500 – 2.500
3	Vitamin E	mg/kg	20 - 30
4	Vitamin K3	mg/kg	1 - 3
5	Vitamin B1	mg/kg	1,0 – 2,5
6	Vitamin B2	mg/kg	4 - 7
7	Vitamin B6	mg/kg	2,5 – 5,0
8	Vitamin B12	mg/kg	0,015 – 0,025

9	Niacin	mg/kg	25 - 40
10	Pantothenic acid	mg/kg	9 - 11
11	Folic acid	mg/kg	0,8 – 1,2
12	Biotin	mg/kg	0,10 – 0,15
13	Vitamin C	mg/kg	100 - 150
14	Choline	mg/kg	200 – 400

#### ***d) Nhu cầu về trấu và nhiên liệu phục vụ trang trại chăn nuôi gà***

- Nhu cầu sử dụng trấu tại trang trại: Tổng diện tích 03 dãy chuồng nuôi là 5.520 m<sup>2</sup>, lớp vỏ lót được thiết kế dày 10 cm (0,1m). Thể tích lớp trấu là 5.520 m<sup>2</sup> x 0,1m = 552 m<sup>3</sup>; khối lượng riêng trung bình của trấu 130 kg/m<sup>3</sup>. Vậy nhu cầu trấu sử dụng cho trại chăn nuôi là: 130 kg/m<sup>3</sup> x 552 m<sup>3</sup> = 71.760 kg ~ 71,76 tấn trấu/lúa nuôi.

- Nhu cầu sử dụng gas: 12 bình gas loại lớn để úm gà cho mỗi lứa nuôi.

- Dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng, ước tính sử dụng 01 máy phát điện dự phòng với công suất 150 KVA, khi chạy máy phát điện, định mức tiêu thụ dầu DO là 10kg/máy.giờ. Sự cố mất điện xảy ra được ước tính 1 tháng cúp điện 1 ngày khoảng 8 giờ, thì tổng nhu cầu sử dụng dầu DO để chạy máy phát điện dự phòng là: 10kg/máy.giờ x 1 máy x 8 giờ/tháng x 12 tháng/năm = 960 kg/năm

#### **4.2. Nhu cầu sử dụng điện**

Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở chủ yếu phục vụ cho các mục đích chiếu sáng trại nuôi, sinh hoạt, hoạt động bơm nước,... Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 3.000KWh/tháng.

Nguồn cung cấp điện: Điện lưới quốc gia. Để đảm bảo nguồn điện cho trại nuôi, chủ cơ sở lắp đặt 01 máy phát điện dự phòng công suất 150 KVA để đề phòng khi mất điện.

#### **4.3. Nhu cầu sử dụng nước**

- Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt: Trại có tổng cộng 06 công nhân viên (căn cứ theo TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về việc cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, nước dùng sinh hoạt cho nhân viên tại trang trại là 100 lít/người/ngày): 06 người x 100 lít/người = 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nhu cầu cấp nước phục vụ hoạt động chăn nuôi: Nước sử dụng chủ yếu cho cung cấp nước uống cho gà, nước rửa trại nuôi.

+ Lượng nước cung cấp cho gà uống: Căn cứ nhu cầu thực tế, lượng nước gà uống trung bình: 0,19 lít/con (0,19 lít/ngày.đêm x 60.000 con gà = 11,4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

+ Lượng nước dùng rửa trại nuôi: Trong quá trình chăn nuôi, trung bình mỗi đợt sẽ xuất 1 dãy trại, thời gian dọn dẹp vệ sinh và giãn cách là 15 ngày (thời gian dọn dẹp là 4 – 5 ngày và thời gian để thoáng trại trước khi nhập lứa mới là 6 – 7 ngày tiếp theo). Quá trình vệ sinh trại nuôi chủ yếu là việc rửa trại, dọn phân trấu lót

trại và công tác chuẩn bị trước khi thả lúa mới. Chủ trang trại lắp đặt các vòi xịt rửa cao áp tại khu vực chuồng nuôi, lượng nước vệ sinh trại nuôi mỗi lứa xuất trại là  $1 \text{ m}^3/\text{dãy chuồng} \times 3 \text{ chuồng} = 3,0 \text{ m}^3/\text{lứa nuôi}$  ( $1 \text{ m}^3/\text{ngày/chuồng/lứa nuôi}$ , 01 ngày xuất 01 chuồng nên 01 ngày chỉ vệ sinh 01 chuồng nuôi sau lứa nuôi).

+ Nước cấp hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút:  $03 \text{ chuồng} \times 0,1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} = 0,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

+ Lượng nước dùng làm mát: Lượng nước này chiếm khoảng  $3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  (tương đương  $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm/dãy trại}$ ) với mục đích làm mát cho tất cả các trại. Lượng này được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài.

+ Lượng nước dùng trong khâu vệ sinh: chủ yếu phục vụ trong khâu vệ sinh khử trùng xe ra vào trại, quần áo, tay chân, giày dép hàng ngày:  $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Nước tưới cây xanh, đường nội bộ:  $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Như vậy, tổng nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và chăn nuôi của trang trại là  $\approx 19,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

**Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của trang trại**

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng sử dụng ( $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ )
<b>I</b>	<b>Nước cấp sinh hoạt cho công nhân</b>	<b>0,6</b>
<b>II</b>	<b>Nước cấp cho quá trình chăn nuôi gà</b>	<b>16,7</b>
1	Lượng nước cung cấp cho gà uống	11,4
2	Lượng nước vệ sinh trại nuôi gà ( $1 \text{ m}^3/\text{ngày/chuồng/lứa nuôi}$ )	1,0
3	Nước cấp cho hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút	0,3
4	Nước cấp cho hệ thống làm mát	3,0
5	Nước cấp cho khâu vệ sinh dụng cụ	1,0
<b>III</b>	<b>Nước tưới cây xanh</b>	<b>2,0</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19,3</b>

- Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy: Lượng nước dự trữ cấp cho một hoạt động chữa cháy được tính cho một đám cháy trong 02 giờ liên tục với lưu lượng  $10 \text{ lít/giây}/\text{đám cháy}$ .

$$Q_{cc} = 10 \text{ lít/giây} \times 2 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây/giờ} = 72.000 \text{ lít} \sim 72 \text{ m}^3.$$

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nước từ 02 giếng khoan để cung cấp nước sinh hoạt và chăn nuôi của trang trại.

## 5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

### 5.1. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại cơ sở

Chủ cơ sở đầu tư một số máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của trang trại, như sau:

**Bảng 6: Danh mục máy móc thiết bị tại trang trại**

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Tình trạng	Xuất xứ
<b>I</b>	<b>Hệ thống điều khiển nhiệt độ</b>				
1	Quạt hút công nghiệp	30	Cái	Hoạt động tốt	Hà Lan
2	Hệ thống dàn lạnh-motor bơm nước công suất 1,5HP	03	Hệ thống	Hoạt động tốt	Hà Lan
3	Tủ tự động	03	Cái	Hoạt động tốt	Trung Quốc
4	Hệ thống cảm ứng nhiệt độ, độ ẩm bên trong và bên ngoài	03	Bộ	Hoạt động tốt	Thái Lan
5	Hệ thống sưởi nhiệt	03	Bộ	Hoạt động tốt	Thái Lan
6	Hệ thống điều khiển nhiệt độ kết nối với điều khiển tự động	03	Bộ	Hoạt động tốt	Thái Lan
<b>II</b>	<b>Hệ thống máng ăn</b>				
1	Hệ thống ăn tự động (đường dẫn thức ăn, máng ăn, hộp đựng cám)	03	Hệ thống	Hoạt động tốt	Đan Mạch
<b>III</b>	<b>Hệ thống nước uống tự động</b>				
1	Đường dẫn nước, núm uống	03	Hệ thống	Hoạt động tốt	Trung Quốc
2	Bộ phận điều chỉnh áp lực nước	03	Bộ	Hoạt động tốt	Trung Quốc
3	Bộ phận đo khối lượng nước sử dụng	03	Bộ	Hoạt động tốt	Trung Quốc
4	Bộ phận pha thuốc	03	Bộ	Hoạt động tốt	Trung Quốc
5	Hệ thống điều khiển nối với bộ điều khiển tự động	03	Bộ	Hoạt động tốt	Trung Quốc
<b>IV</b>	<b>Máy móc, thiết bị khác</b>				
1	Máy bơm nước	02	Cái	Hoạt động tốt	Malaysia
2	Máy phát điện công suất 150 KVA	01	Cái	Hoạt động tốt	Nhật

## 5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích khu đất là 11.693,5m<sup>2</sup>, các hạng mục công trình được bố trí như sau:

**Bảng 7: Các hạng mục công trình**

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước (m)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục chính</b>				
1	Chuồng nuôi gà 1	01	16 x 115	1.840	15,7
2	Chuồng nuôi gà 2	01	16 x 115	1.840	15,7
3	Chuồng nuôi gà 3	01	16 x 115	1.840	15,7
<b>II</b>	<b>Các hạng mục phụ trợ</b>				
1	Nhà sát trùng	01	5 x 10	50	0,40
2	Nhà máy phát điện	01	3 x 5	15	0,10
3	Nhà bảo vệ, nhà công nhân	01	5 x 20	100	0,9
4	Nhà bếp + nhà ăn	01	3 x 4	12	0,10
5	Nhà vệ sinh	01	2 x 3	6	0,05
6	Tháp nước	01	2 x 3	6	0,05
7	Kho cám	03	4 x 16	192	5,3
<b>III</b>	<b>Các hạng mục bảo vệ môi trường</b>				
1	Kho chứa hoá chất dụng cụ	01	5 x 10	50	0,4
2	Khu xử lý nước thải chăn nuôi	01	10 x 20	200	1,7
3	Khu xử lý nước thải sinh hoạt	01	5 x 2	10	0,09
4	Nhà chứa chất thải nguy hại	01	3 x 2	6	0,05
5	Nhà chứa chất thải rắn	01	4 x 5	20	0,2
6	Hầm hủy xác gà chết không do dịch bệnh	01	3 x 2	6	0,05
7	Khu đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh	01	--	200	1,7
8	Buồng xử lý khí thải chuồng nuôi	03	3 x 16	144	1,23
<b>IV</b>	<b>Đường đi nội bộ</b>	--	--	<b>1.500</b>	<b>12,8</b>
<b>V</b>	<b>Cây xanh, đất trống</b>	--	--	<b>3.656,5</b>	<b>31,3</b>
	<b>Tổng cộng</b>			<b>11.693,5</b>	<b>100</b>



### 5.2.1. Các hạng mục công trình chính

- Dãy chuồng nuôi gà và kho cám:

+ Tổng diện tích chuồng nuôi: 5.520 m<sup>2</sup>, bao gồm 03 dãy chuồng nuôi, diện tích mỗi dãy chuồng 1.840 m<sup>2</sup> có sức chứa 20.000 con/chuồng, như vậy mật độ chăn nuôi khoảng 10 - 11 con/m<sup>2</sup>.

+ Bên trong, mỗi chuồng bố trí 01 hệ thống máng ăn tự động, 01 máng uống tự động. Hai mặt bên phía trên đầu chuồng bố trí hệ thống làm mát. Chiều cao đến đỉnh mái là 5,0m. Mái lợp tôn, hệ kèo là khung sắt, tường xây gạch bao che dày 20cm. Nền trại bê tông có độ dốc 3%, rãnh thoát nước tạo độ dốc 2%. Cuối mỗi dãy chuồng bố trí 10 quạt hút, tổng cộng 30 quạt hút mùi cho 03 dãy chuồng.

### 5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở

- Nhà sát trùng: diện tích 50m<sup>2</sup>, thực hiện công tác sát trùng xe và người ra vào trại chăn nuôi với kết cấu nền bê tông cốt thép, cột kèo thép, tường gạch, quét vôi bên ngoài, mái tôn.

- Nhà ở công nhân, nhà bảo vệ + bếp, nhà ăn + nhà vệ sinh : diện tích 124m<sup>2</sup>, kết cấu công trình móng, cột, dầm, giằng bê tông cốt thép, khung kèo tổ hợp gác xà gỗ thép; tường xây gạch, mái lợp tôn sóng vuông.

- Nhà máy phát điện dự phòng: diện tích 15m<sup>2</sup> nền bê tông, khung sắt, cột kèo thép, mái tôn.

- Kho cám: diện tích 192m<sup>2</sup>, kết cấu: móng bằng bê tông; xà gỗ, vì kèo, giằng bằng thép; tường xây gạch; mái lợp tôn sóng vuông; nền bê tông đá 1x2 mac 200, cửa sắt.

- Tháp nước: Nước được sử dụng cấp cho dự án được lấy từ 02 giếng khoan. Nước từ giếng khoan được đưa lên bồn chứa 1.000 lít, sau đó dẫn về các thiết bị sử dụng nước cho chăn nuôi và sinh hoạt.

### 5.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Kho chứa hóa chất dụng cụ: diện tích 50m<sup>2</sup>, kết cấu: móng, cột bằng bê tông; xà gỗ, vì kèo, giằng kèo bằng thép; tường xây gạch; mái lợp tôn sóng vuông; nền bê tông đá 1x2 mac 200, cửa sắt.

- Kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 6m<sup>2</sup>, nền bê tông, tường gạch, mái lợp tôn, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

- Nhà chứa chất thải rắn: diện tích 20m<sup>2</sup>, nền bê tông, khung sắt, cột kèo thép, mái lợp tôn, dùng để chứa chất thải rắn thông thường.

- Hàm hủy xác gà chết không do dịch bệnh: số lượng 01 hàm, diện tích 24m<sup>2</sup> xây dựng tường gạch dày bê tông, có nắp đan đáy kín được đặt cách xa khu nhà ở công nhân, phía cuối trại.

- Công trình xử lý nước thải chăn nuôi: diện tích 200m<sup>2</sup> (bao gồm 01 bể lắng 3 ngăn và 01 mương sinh học), được xây dựng dạng hầm chìm, vật liệu xây dựng tường gạch đáy bê tông, xử lý lượng nước thải phát sinh tại trang trại.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: diện tích 10m<sup>2</sup> (bao gồm 01 bể tự hoại và 01 mương sinh học), được xây dựng dạng hầm chìm, vật liệu xây dựng tường gạch đáy bê tông, xử lý lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Buồng xử lý khí thải: diện tích là 144m<sup>2</sup> (bao gồm 03 buồng), cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế khung sắt, các vách được phủ bằng lưới len bao quanh. Phía trên buồng được thiết kế hệ thống phun sương.

- Khu vực đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh: diện tích đất dự phòng khoảng 200m<sup>2</sup> được bố trí phòng ngừa trường hợp dịch bệnh lây lan, tiêu hủy gà tại trang trại.

### 5.3. Tiến độ thực hiện của cơ sở

Tiến độ triển khai thực hiện của hộ chăn nuôi, cụ thể như sau:

**Bảng 8: Tiến độ triển khai thực hiện của hộ chăn nuôi**

STT	Nội dung	Tiến độ	
		Từ	Đến
1	Hoàn thành các thủ tục pháp lý	12/2020	5/2021
2	Khởi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	5/2021	12/2022
3	Đi vào hoạt động	2023	-

## **CHƯƠNG II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Vị trí thực hiện Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín tại ấp Phước Tân 3, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 05/5/2021. Dự án có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như hạn chế phát thải.

Trong quá trình thực hiện vận hành trang trại chăn nuôi, chủ hộ chăn nuôi đầu tư công nghệ xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Từ các nội dung trên, Chủ hộ chăn nuôi nhận thấy vị trí hoạt động của trang trại phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Đồng thời, đảm bảo đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường của huyện Dương Minh Châu nói riêng và tỉnh Tây Ninh nói chung.

Như vậy, Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, công suất 60.000 con/lứa là phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Tây Ninh nói chung và của cơ sở nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh trang trại. Trang trại chăn nuôi hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tại Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### **2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

##### **2.1. Đối với môi trường nước**

Nước thải sinh hoạt: Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại trại chăn nuôi chủ yếu của công nhân làm việc tại trang trại với lưu lượng khoảng 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (06 người x 100 lít/người/ngày), sẽ được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học, để tiếp tục xử lý; phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT. Nước trong mương sinh học sẽ tự bốc hơi, không xả thải ra ngoài môi trường.

Nước thải chăn nuôi: có lưu lượng cao nhất là 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, chỉ phát sinh vào cuối mỗi đợt nuôi. Gồm các nguồn nước thải sau:

- Nước thải vệ sinh chuồng nuôi: Cơ sở áp dụng mô hình chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học; trên nền đệm lót sinh học lượng phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó sau mỗi lứa xuất gà chủ cơ sở sẽ tiến hành cho công nhân thu gom lớp đệm lót lẫn phân và vệ sinh ngay chuồng trại, tại khu vực chuồng nuôi được lắp đặt các vòi xịt rửa cao áp, nên lượng nước vệ sinh trại nuôi mỗi lứa xuất trại là 1 m<sup>3</sup>/ngày/chuồng/lứa nuôi (mỗi lứa nuôi trang trại sẽ xuất gà trong 3 ngày, 1 ngày xuất 1 chuồng).

- Nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, với lưu lượng 1 m<sup>3</sup>/ngày.

Chủ cơ sở đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải từ 3 dãy chuồng, khu xử lý nước thải (gồm 01 bể lắng ba ngăn và 01 mương sinh học) để xử lý nước thải chăn nuôi.

Nước thải phát sinh từ vệ sinh chuồng và dụng cụ chăn nuôi được thu gom về bể lắng ba ngăn để xử lý, sau đó chảy về mương sinh học, phía trên mương sinh học phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi-QCVN 62-MT:2016/BTNMT. Nước trong mương sinh học sẽ tự bốc hơi, không thải ra môi trường.

Như vậy, với quy mô hoạt động của trang trại theo mô hình trại lạnh khép kín thì lượng nước thải chăn nuôi phát sinh rất ít, chỉ phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại vào cuối mỗi đợt nuôi và không thải ra sông suối xung quanh trang trại nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường nước xung quanh trang trại chăn nuôi.

## **2.2. Đối với môi trường không khí**

*Khí thải từ hoạt động chăn nuôi:*

- Với đặc thù của cơ sở là chăn nuôi gà nên trong quá trình chăn nuôi sẽ phát sinh khí thải và mùi hôi, khí thải phát sinh trong khu vực trại nuôi gà chủ yếu là các khí thải gây mùi hôi như H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub> và các chất gây mùi hôi thối như mercaptan,...từ quá trình phân giải các chất như protein, lipit,... trong chất thải chăn nuôi bởi các vi sinh vật kỵ khí. Mùi hôi phát sinh từ hệ thống quạt hút trao đổi không khí phía trong và bên ngoài các dãy trại nuôi nhằm thông thoáng môi trường không khí phía trong trại nuôi gà. Quá trình hút, trao đổi không khí sẽ hút thải không khí ô nhiễm (mùi hôi) phía trong trại nuôi ra bên ngoài. Mùi hôi có thể theo gió phân tán gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực và khu vực phía bên ngoài trang trại.

- Chủ trang trại áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín nên hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng. Chủ trang trại bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy trại sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút. Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối

mỗi dãy trại nuôi, chủ đầu tư bố trí 3 buồng thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút và xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

*Khí thải từ máy phát điện dự phòng:*

- Cơ sở đầu tư 01 máy phát điện dự phòng (công suất 150KVA, sử dụng dầu DO). Tuy nhiên, nguồn khí thải này không thường xuyên do chỉ được vận hành khi mạng lưới điện quốc gia gặp sự cố. Định mức tiêu thụ nhiên liệu của máy phát điện dự phòng trung bình 10kg/máy.giờ. Lưu lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu DO khoảng 28,3 m<sup>3</sup>/kg. Do đó, lượng khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng là 10 x 28,3 = 283 m<sup>3</sup>/giờ. Nguồn ô nhiễm sinh ra từ máy phát điện không thường xuyên, mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

*Khí thải từ việc hủy xác gà chết:*

- Khối lượng gà chết do giã mổ khoảng 2 kg/ngày tương đương 90 kg/lứa (tỷ lệ khoảng 0,5%/lứa nuôi), được thu gom và đem hủy hợp vệ sinh bằng hố chôn bê tông. Xác gà bị phân hủy sinh học, phân hủy các chất hữu cơ, dưới sự tác động của các vi sinh vật phân hủy như nấm, vi khuẩn, xạ khuẩn tạo ra khí CO<sub>2</sub>, Methane, nước và sinh khối... Quá trình phân hủy được thể hiện theo công thức: C<sub>6</sub>H<sub>12</sub>O<sub>6</sub> → 3CO<sub>2</sub> + 3CH<sub>4</sub>

- Như vậy 1,8g sinh khối phân hủy thành 1,344 lít khí. Do đó phân hủy 2 kg xác gà làm phát sinh 1,49 m<sup>3</sup> khí/ngày (≈ 0,06 m<sup>3</sup>/h).

Vị trí trang trại đảm bảo khoảng cách an toàn về chăn nuôi, xung quanh trại nuôi được bao phủ bởi cây xanh của trang trại. Vì vậy khí thải phát sinh trong quá trình chăn nuôi đảm bảo đủ khả năng chịu tải của môi trường không khí xung quanh trại.

### **2.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại**

*Chất thải rắn sinh hoạt:* chủ yếu là cơm thừa, rau, củ, quả bị hư hỏng,... Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 3 kg/ngày (0,5kg/người/ngày x 6 người) được thu gom cho vào các thùng chứa thích hợp có nắp đậy. Các thùng chứa được bố trí tại khu vực xung quanh và trong trại. Chủ cơ sở ký hợp đồng đơn vị thu gom rác thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường (không nguy hại):

+ Bao bì, vỏ chai, thùng carton được thu gom và bán lại cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

+ Chất thải chăn nuôi (phân và trấu): được ủ tại chuồng nuôi, sau khi xuất bán gà, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị thu mua tại chuồng và được thu gom 1 lần sạch sẽ đóng bao 50kg.

+ Gà chết không do dịch bệnh được thu gom và chôn lấp hợp vệ sinh bằng 01 hầm chôn bê tông kích thước 3m x 2m x 1,2m.

- Chất thải nguy hại: chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, chai lọ chứa chất nguy hại,... được thu gom và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6 m<sup>2</sup>. Khu vực lưu trữ chất thải rắn nguy hại sẽ được bố trí tuân thủ theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- Bố trí khu đất dự phòng với diện tích 200 m<sup>2</sup> để xử lý gà chết do dịch bệnh trong trường hợp xảy ra sự cố dịch bệnh.

**Kết luận:** Từ các phân tích từng nguồn chất thải nêu trên, cho thấy trang trại chăn nuôi gà theo mô hình công nghệ sản xuất chuồng lạnh khép kín, quy mô 60.000 con/lứa (5 lứa/năm) phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nơi thực hiện đầu tư cơ sở chăn nuôi gà.

### CHƯƠNG III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Về cơ bản thì nước mưa không phải là nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhưng nếu các nguồn gây ô nhiễm phát sinh trong giai đoạn này không được khống chế theo quy định, khi nước mưa rơi xuống khu đất trang trại chăn nuôi sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm ra môi trường nước xung quanh khu vực, có thể gây ngập úng cục bộ và gây ô nhiễm môi trường nước.

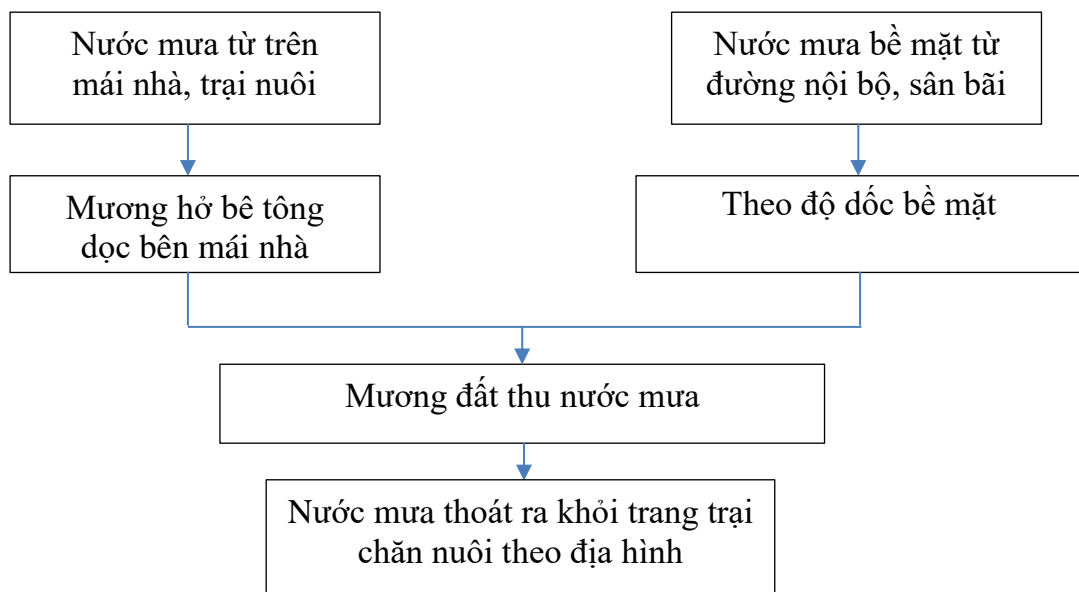
Hệ thống thu gom nước mưa tách riêng nước thải, hệ thống rãnh thoát nước mưa dọc theo hai bên trại nuôi. Hệ thống thu gom nước mưa tại trang trại được bố trí như sau:

- Thu gom, thoát nước mưa từ mái chuồng: Nước mưa theo độ dốc mái → mương hở bê tông rộng 30cm, sâu 20 cm, dài dọc theo trại nuôi → mương đất thoát nước mưa → thoát ra khỏi trang trại theo địa hình.

- Thu gom, thoát nước mưa bề mặt: nước mưa chảy tràn trên bề mặt trong khuôn viên trang trại được thu gom về mương hở tại các dãy trại nuôi và mương đất thoát nước mưa xung quanh trại nuôi, sau đó tự chảy theo độ dốc thoát ra khỏi trang trại theo địa hình.

Rác và bùn cát đất lắng được nạo vét thường xuyên.

Ngoài ra, để phòng ngừa ngập úng, chủ hộ chăn nuôi tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu đất trang trại, giúp cho việc thấm nước mưa được nhanh chóng.



**Hình 3: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa**

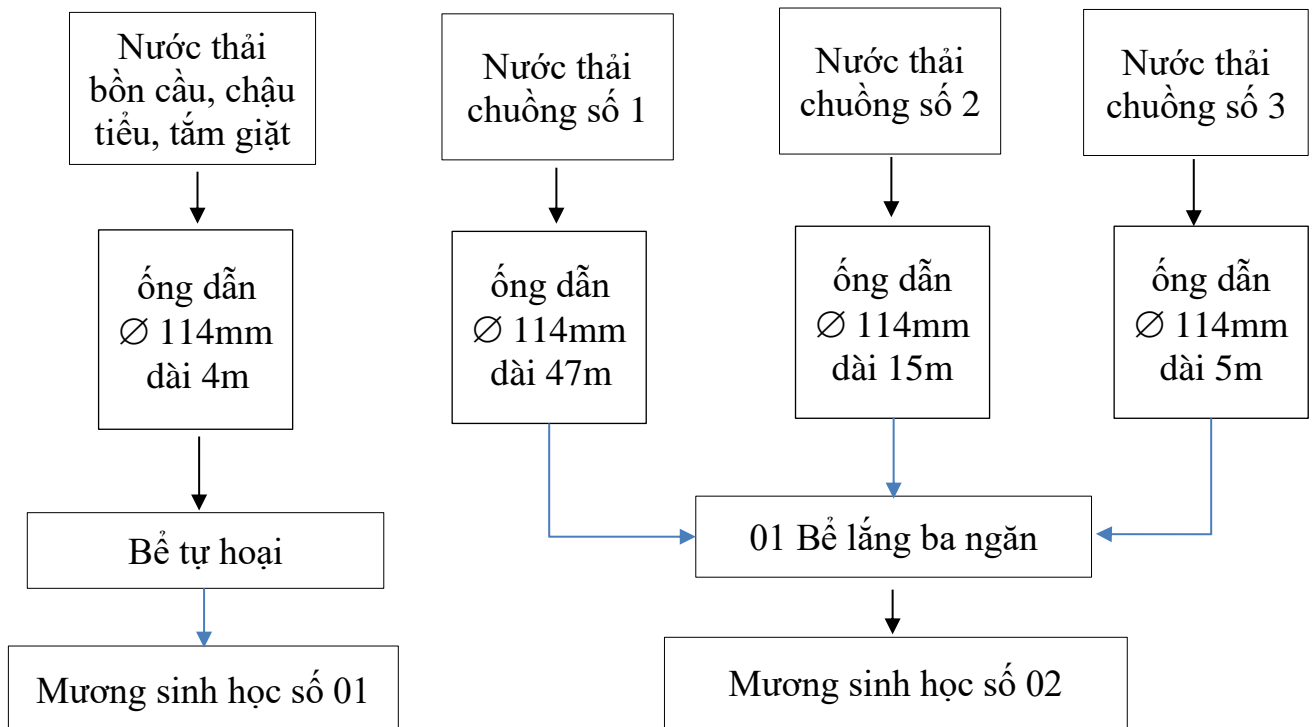
## 1.2. Thu gom, thoát nước thải:

### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

- *Đối với nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống PVC Ø 114mm dài 4m về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn được cho chảy qua mương sinh học số 1 để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- *Đối với nước thải chăn nuôi:* Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại, vệ sinh dụng cụ chăn nuôi sau mỗi lứa nuôi được thu gom bằng rãnh bê tông dọc 2 bên vách phía trong chuồng nuôi, được thoát ra ngoài theo đường ống PVC Ø60mm dẫn ra 01 mương hở bê tông dọc bên ngoài chuồng nuôi, có chiều dài 115m, rộng 0,3m, sâu 0,2m, độ dốc 3% về phía cuối chuồng, sau đó nước thải qua lưới chắn rác, rồi theo đường ống dẫn Ø 114mm dẫn về bể lắng để xử lý, rồi tự chảy qua mương sinh học để tiếp tục xử lý.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của trang trại được thể hiện trong sơ đồ sau:



**Hình 4: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải**

- *Điểm xả nước thải sau xử lý:*

Nước sau xử lý được lưu chứa tại mương sinh học, không thải ra ngoài môi trường.

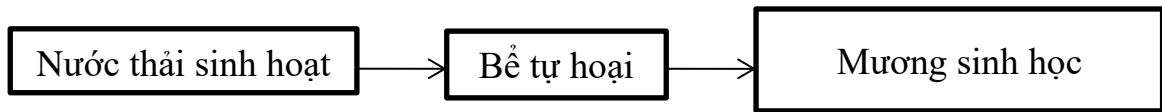
### 1.3. Xử lý nước thải:

#### a) *Nước thải sinh hoạt*

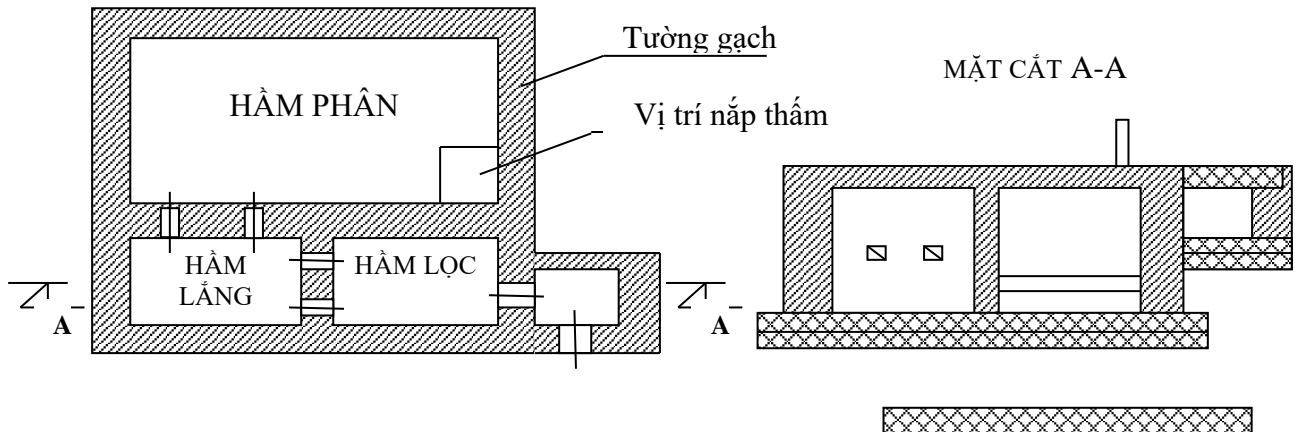
Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên có lưu lượng



0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (06 người x 100 lít/người/ngày) được xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn (kích thước 4,0m x 1,5m x 2,0m, thể tích 12m<sup>3</sup>) để xử lý rồi cho chảy sang mương sinh học số 1 (kích thước 2,5m x 1,6m x 1,2m, thể tích 4,8m<sup>3</sup>) tiếp tục xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.



Cấu tạo của bể tự hoại được trình bày trong hình sau:



**Hình 5: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn**

**\* Nguyên lý hoạt động:**

Bể tự hoại có 3 ngăn chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Bể còn có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Bể có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua bể tự hoại nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 – 30%; riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể được đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT. Mương sinh học được thiết kế như sau: phía trên phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải thiện môi trường nước; xung quanh mương sinh học sẽ trồng các cây xanh.

**Bảng 9: Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt**

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật (m)	Số lượng	Vật liệu
1	Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt	4,0 x 1,5 x 2,0	01	Tường gạch, đáy bê tông
2	Mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt	2,5 x 1,6 x 1,2	01	Tường gạch, đáy bê tông

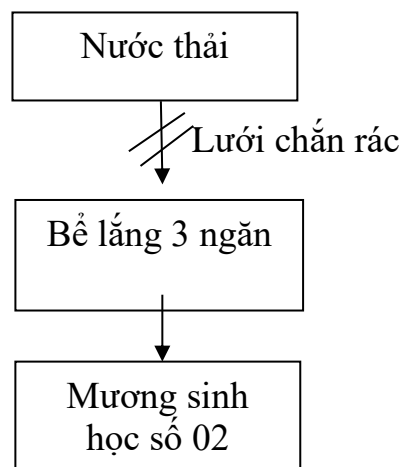
### ***b) Nước thải chăn nuôi***

Nước thải chăn nuôi có lưu lượng cao nhất là 2,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, được xử lý bằng bể lắng (số lượng: 1 bể, thể tích: 15m<sup>3</sup>/bể) rồi cho chảy sang mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

Chủ cơ sở đầu tư xây dựng 01 bể lắng ba ngăn và 01 mương sinh học để xử lý nước thải chăn nuôi. Bố trí, mương thu nước thải từ 03 dãy chuồng nuôi được thu gom về 01 bể lắng và 01 mương sinh học để xử lý.

- Nước thải chăn nuôi phát sinh từ chuồng nuôi số 1, số 2 và số 3 được thu gom về 01 bể lắng ba ngăn, nước thải sau bể lắng chảy qua mương sinh học số 2.

Quy trình hệ thống xử lý nước thải, như sau:



**Hình 6: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi**

#### **\* Thuyết minh quy trình:**

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của trang trại không đều mà chỉ tập trung chủ yếu trong thời gian vệ sinh chuồng trại khoảng 45 ngày/lần (khi trại xuất bán gà) để chuẩn bị nuôi lứa mới. Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa trại nuôi cuốn theo phân và lượng trấu còn sót lại trên nền chuồng. Mỗi ngày trang trại chỉ xuất bán 1 chuồng và tiến hành vệ sinh ngay nên lượng nước thải phát sinh là 1m<sup>3</sup>/1 chuồng/ngày.

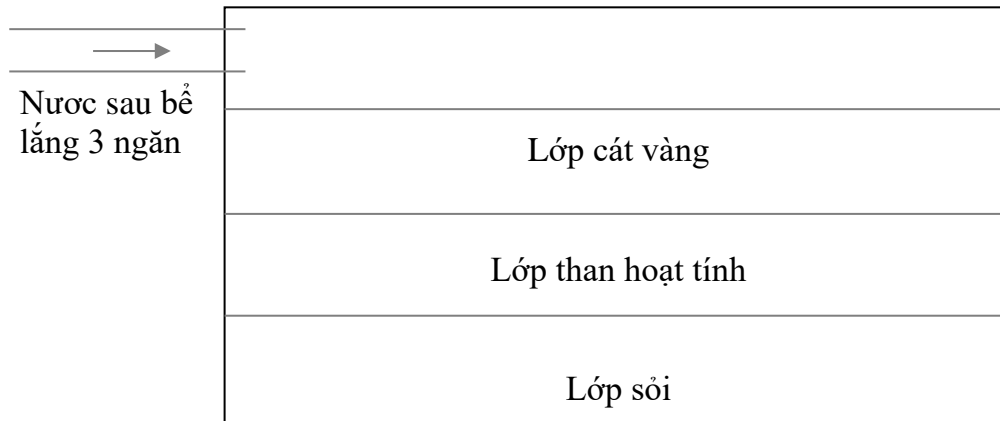
Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa nền của 3 dãy chuồng gà và vệ sinh dụng cụ chăn nuôi sẽ được thu gom theo độ dốc chảy qua song chắn rác đặt tại cuối mỗi chuồng nuôi nhằm ngăn các loại rác có kích thước lớn gây tắc nghẽn đường thoát nước. Sau đó nước thải được dẫn về bể lắng 3 ngăn có thể tích 15m<sup>3</sup>.

*Bể lắng 3 ngăn:* Nước thải phát sinh sẽ chảy về bể lắng 3 ngăn. Bể có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90%, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua bể, nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 - 30% riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Sau khi qua bể lắng lọc thì hàm

lượng các chất ô nhiễm BOD5, COD và SS giảm đáng kể. Hiệu suất xử lý nước thải: BOD5 đạt 71 – 85%, hàm lượng chất lơ lửng SS đạt >75%, COD đạt 75 – 90%, TSS đạt 75 – 95%. Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể được nạo vét làm phân bón cho cây.

Nước thải sẽ tiếp tục được xử lý tại mương sinh học số 02 (kích thước là 2,0m x 4,0m x 2,0m); phía trên mương sinh học phủ 1 lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than và chế phẩm men vi sinh để cải thiện môi trường nước, xung quanh mương sinh học sẽ trồng các cây xanh và cây ăn quả. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Cấu tạo mương sinh học và các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải trang trại:



**Hình 7: Cấu tạo mương sinh học**

**Bảng 10: Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi**

STT	Hạng mục	Số lượng (cái)	Quy cách
1	Song chắn rác	3	- Vật liệu: Inox - Cuối mương dẫn nước của mỗi dãy chuồng nuôi.
2	Bể lắng 3 ngăn Kết cấu bể bao gồm:	1	- Xây dựng dạng hầm chìm - Kích thước: 6,0m x 1,25m x 2,0m - Vật liệu: Tường gạch, đáy bê tông.
2.1	<i>Ngăn lắng</i>	1	- Kích thước 2,0m x 1,25m x 2,0m
2.2	<i>Ngăn lọc</i>	1	- Kích thước 2,0m x 1,25m x 2,0m
2.3	<i>Ngăn chứa</i>	1	- Kích thước 2,0m x 1,25m x 2,0m
3	Mương sinh học	1	- Xây dựng dạng mương chìm - Kích thước: 2,0m x 4,0m x 2,0m - Vật liệu: Tường gạch, đáy bê tông.

## 2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

### 2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ trại nuôi

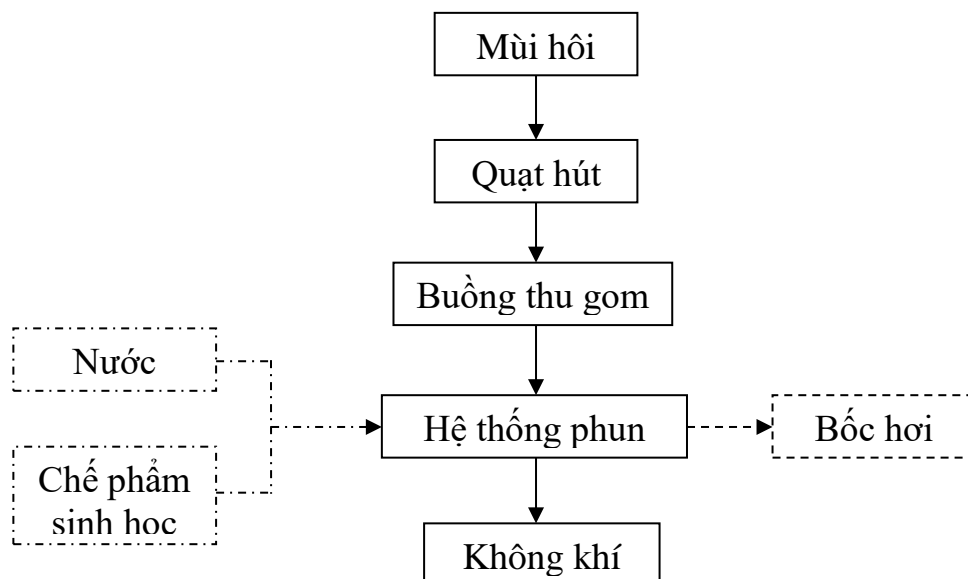
Để hạn chế sự phát sinh các khí gây mùi đến mức thấp nhất có thể được, trại nuôi áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy chuồng nuôi nhằm thông thoáng cho chuồng nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy chuồng sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút, lắp đặt mỗi dãy chuồng là 10 quạt hút, tổng cộng 30 quạt hút cho 3 dãy chuồng nuôi (công suất 1 quạt hút là 44.800 m<sup>3</sup>/h).

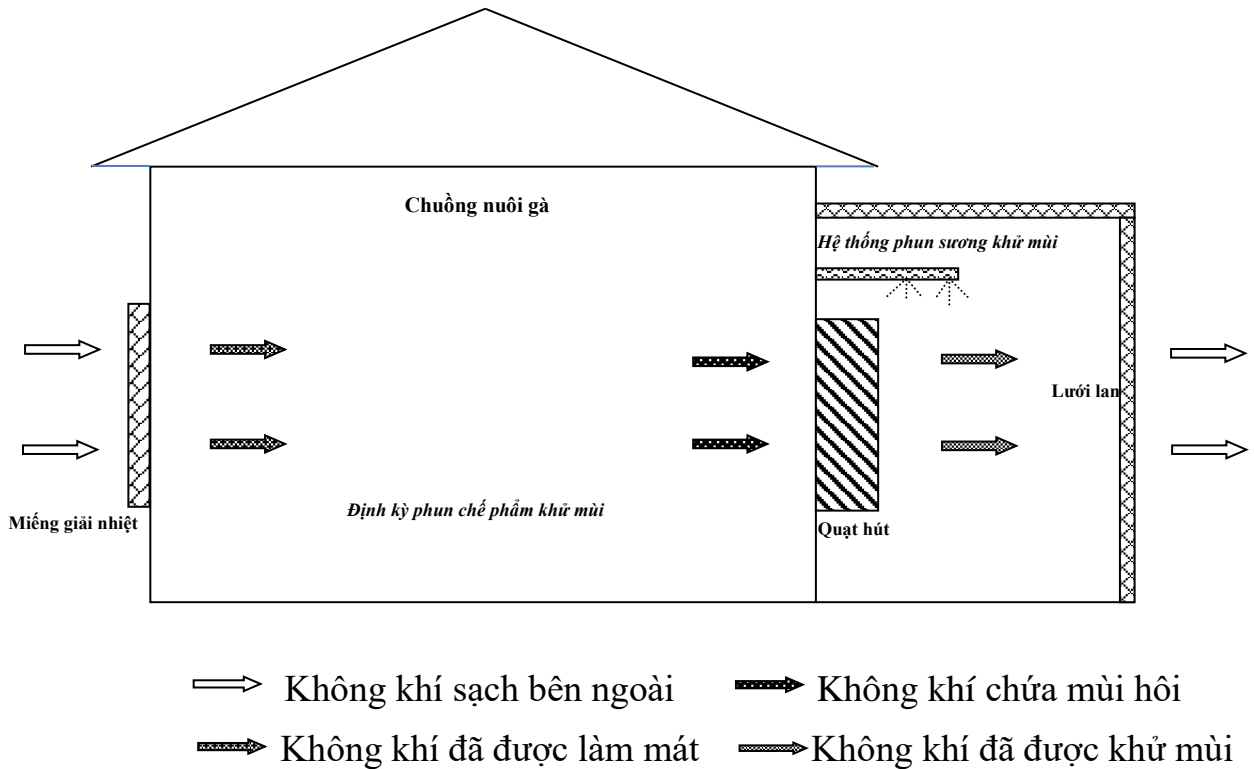
Thông số cơ bản quạt hút:

- Công suất: 1,1 Kw 1.5HP.
- Điện áp/ tần số: 380V/50Hz.
- Áp suất: 2.8A.
- Tốc độ RPM 1400.
- Độ ồn: 65db.
- Vật liệu vỏ: Hợp kim nhôm.
- Motor 100% lõi đồng nguyên chất.
- Tiêu chuẩn kháng nước: IP55.
- Tốc độ gió (0 Pa – 0 in H<sub>2</sub>O): 44.800m<sup>3</sup>/h – 50Pa

- Phía sau hệ thống quạt hút của mỗi dãy chuồng nuôi, chủ cơ sở xây dựng buồng thu gom xử lý mùi. Cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế khung sắt, các vách được phủ bằng lưới len bao quanh. Phía trên buồng được thiết kế hệ thống phun sương với chế phẩm khử mùi EM nhằm giảm thiểu mùi hôi, làm sạch không khí trước khi thoát ra bên ngoài. Hệ thống xử lý mùi hôi tại trại chăn nuôi như sau:



**Hình 8: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi trại nuôi**



**Hình 9: Hệ thống phun sương kết hợp lưới len**

**\* Thuyết minh quy trình:**

Lắp đặt hệ thống quạt hút không khí sau mỗi dãy chuồng nuôi để xử lý mùi hôi phát sinh tại trang trại. Phía sau hệ thống quạt hút được thiết kế buồng chắn (3 vách) cao hơn quạt hút với kết cấu khung sắt, vách bằng lưới len, buồng thu gom mỗi chuồng có kích thước dài 16m, rộng 3,0m, cao 4,0m. Vách chắn này nhằm tạo điều kiện cho không khí sau quạt hút ra ngoài và vào vách chắn và chuyển động theo phương thẳng đứng phát tán lên cao. Phía trên buồng chắn chủ cơ sở gắn 1 lớp lưới len và lắp đặt hệ thống phun sương bằng chế phẩm vi sinh khử mùi hôi EM nhằm giảm thiểu nồng độ mùi hôi phát tán ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Nhu cầu sử dụng chế phẩm EM: 1 lít/chuồng.
- Nhu cầu sử dụng nước: 0,1 m<sup>3</sup>/chuồng/ngày.đêm
- Nhu cầu sử dụng điện cho phun sương: 1kW/ngày
- Bố trí công nhân vệ sinh bên ngoài trại thường xuyên, đảm bảo công tác vệ sinh trại sạch sẽ.

- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các dãy trại 1 lần/tuần. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.

- Sau mỗi đợt thu hoạch gà, chủ cơ sở tiến hành tiêu độc khử trùng trại đảm bảo không để các mầm bệnh tồn tại, phát sinh.

- Trại được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, quạt hút, hệ thống làm mát đảm bảo nhiệt độ ổn định trong trại. Không khí trong trại đảm bảo thông thoáng tránh phát sinh mùi hôi trong khu vực chăn nuôi và xung quanh.

- Khu vực kho chứa nguyên liệu chăn nuôi sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút đảm bảo kho chứa thông thoáng tránh ẩm mốc.

- Trồng cây xanh xung quanh trại nhằm tạo dãy phân cách và tăng vẻ mỹ quan cho trang trại.

## **2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác**

### ***a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển***

- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên trại nuôi.

- Phun nước trên tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực trại chăn nuôi vào mùa khô nhằm giảm bụi phát sinh và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trại.

- Khi các xe lưu thông trong khu vực trại chăn nuôi cần giảm tốc độ.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

- Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như  $\text{SO}_2$ ,  $\text{CO}_2$ , hợp chất chứa nito, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

### ***b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ máy phát điện***

Bụi và khí thải từ hoạt động của 01 máy phát điện dự phòng của trang trại thoát ra bằng ống khói cao 3m, vật liệu Inox. Nguồn này hiếm khi xuất hiện (chỉ phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời lúc điện lưới quốc gia tại khu vực dự án bị mất điện, xảy ra vài lần mỗi năm, mỗi lần vài giờ) và có biện pháp xử lý cục bộ, hạn chế được lưu lượng và nồng độ khí thải, đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép.

Để đảm bảo về mặt môi trường, chủ đầu tư chủ động lựa chọn các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh và cặn carbon thấp để sử dụng cho máy phát điện. Cụ thể như:

- Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu sử dụng không vượt quá 1%.

- Hàm lượng Carbon không vượt quá 76%.

Với tiêu chí như trên thì trang trại sử dụng dầu DO có bổ sung một số chất phụ gia giúp hạn chế nguồn ô nhiễm từ hoạt động của máy phát điện. Bên cạnh đó để giảm thiểu đến mức thấp nhất các hoạt động từ khí thải phát sinh khi máy phát điện hoạt động, chủ cơ sở sẽ lắp đặt thêm ống khói cao 3m để chủ động phát tán lượng khí thải phát sinh này (công dụng của ống khói là nâng cao điểm phát tán của dòng khói thải, qua đó nâng cao tốc độ phát tán cũng như phạm vi phát tán của dòng khí này). Dưới sự xáo trộn của dòng khí thải trên cao và dòng khí được lan truyền xa hơn, nồng độ khí thải tại khu vực gần trang trại trở nên vô cùng loãng.

Việc lựa chọn hình thức phát tán này là hoàn toàn hợp lý, do đây là nguồn thải không thường xuyên và mức độ ảnh hưởng không đáng kể. Khí thải sau máy phát

điện dự phòng đáp ứng đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

***c) Biện pháp giảm thiểu mùi và khí thải phát sinh từ hầm hủy xác gà chết***

Để giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ hầm hủy xác gà chết, chủ đầu tư thực hiện một số biện pháp sau:

- Hầm hủy xác gà chết được thiết kế đúng theo quy cách tại QCVN 01-41:2011/BNNPTNT ngày 06/5/2011-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- Vị trí hầm hủy xác gà chết được bố trí tại khu đất trại nuôi, có địa hình cao ráo, không ngập nước trong mùa mưa và nằm ở cuối hướng gió chính của trang trại.

- Hầm hủy xác được xây dựng bằng gạch với kích thước mỗi hầm 3m x 2m x 1,2m. Đáy hầm hủy là bê tông, bên trên hầm được thiết kế nắp đậy kín. Hầm hủy xác được định kỳ phun xịt chế phẩm EM và khử mùi nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ phân hủy xác gà chết và giảm thiểu mùi hôi tại hầm hủy xác. Phía ngoài khu vực hầm, khoảng cách 1m, tạo rãnh thoát nước rộng 25cm, sâu 20cm dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm. Khu vực hầm hủy xác được kiểm tra thường xuyên 1 tuần/lần. Khi oai mục thành phân, định kỳ sẽ được công nhân thu gom, bán cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón cho cây trồng.

***d) Giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi từ phun thuốc khử trùng, sát khuẩn***

Đối với mùi hôi của thuốc phát sinh từ kho chứa thuốc, từ quá trình sử dụng thuốc khử trùng Formol. Cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Kho chứa thuốc được xây dựng riêng tách biệt, vững chắc bằng vật liệu tốt.
- Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản thuốc an toàn tại trang trại.

- Lắp đặt các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn tại khu vực kho chứa thuốc.

- Trang bị bảo hộ lao động khi pha chế và phun thuốc. Sau khi phun thuốc phải thay quần áo và giặt sạch.

- Không sử dụng bình phun bị rò rỉ và rửa sạch bình sau khi phun thuốc.
- Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả bộ phận của cơ thể.

***đ) Biện pháp giảm thiểu ruồi, muỗi***

- Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy trại nuôi, cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.

- Xử lý ngay xác những con vật chết ngay trong ngày, vì đây là môi trường để ruồi phát triển.

- Sử dụng biện pháp hóa học bằng cách phun thuốc diệt côn trùng ở các vách hoặc tường.

- Thu gom xử lý chất thải chăn nuôi của Trang trại được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### 3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

#### 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thực phẩm dư thừa ở mức từ 65 -70% và phần còn lại là giấy, nilon nhựa. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại trang trại khoảng 3 kg/ngày (0,5kg/người/ngày x 6 người).

*Thiết bị lưu chứa:*

+ Thùng rác dung tích 60 lít

+ Số lượng: 03 thùng.

+ Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

*Tần suất thu gom:* 3 ngày/lần

*Biện pháp xử lý:* Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

#### 3.2. Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi

*Hình thức lưu trữ:* Chất thải phát sinh gồm phân gà và trấu được ủ trong chuồng nuôi đến khi xuất bán gà, bao bì đựng thức ăn được lưu giữ tạm thời trong nhà kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 20 m<sup>2</sup>, gà chết do giã đập không phải do dịch bệnh được xử lý ngay bằng hầm chôn bê tông có diện tích 6 m<sup>2</sup>, không lưu giữ.

*Biện pháp xử lý:*

- Phân gà, trấu sau mỗi lứa nuôi: Trung bình lượng phân gà thải ra mỗi ngày chiếm tỷ lệ 5% so với khối lượng cơ thể gia cầm (Căn cứ theo tài liệu Quản lý chất thải chăn nuôi của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2011), ước tính khối lượng chất thải chăn nuôi tại trang trại với quy mô 60.000 con như sau:

**Bảng 11: Khối lượng chất thải chăn nuôi trong giai đoạn vận hành**

STT	Giai đoạn	Lượng phân phát sinh (g/con/ngày)	Lượng phân phát sinh tại trang trại trong 1 ngày	Lượng phân gà phát sinh theo từng giai đoạn
1	Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi	45	2,7 tấn	37,8 tấn
2	Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi	73	4,38 tấn	65,7 tấn
3	Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại)	94	5,4 tấn	81,0 tấn
	<b>Tổng cộng</b>		<b>12,48 tấn</b>	<b>184,5 tấn/lứa</b>



+ Căn cứ theo nhu cầu trấu lót sử dụng tại trang trại trong giai đoạn vận hành thì khối lượng trấu thải là 71,76 tấn/đợt nuôi (lượng trấu thải đầu ra – 100% lượng trấu thải đầu vào).

Như vậy, tổng khối lượng phân gà và trấu phát sinh **256,26 tấn/lứa nuôi**, được công nhân thu gom, đảo trộn và phun chế phẩm sinh học EM thường xuyên để hạn chế mùi; đồng thời trong suốt quá trình chăn nuôi, sử dụng chế phẩm EM vừa để hạn chế mùi vừa có tác dụng giúp quá trình phân hủy phân gà diễn ra nhanh hơn. Nhờ được phun chế phẩm sinh học và đảo trộn thường xuyên, phân và trấu lót sau mỗi lứa nuôi đã được xử lý trở thành phân gà vi sinh hữu cơ. Sau mỗi đợt xuất bán gà sẽ hợp đồng bán cho đơn vị thu mua đến thu gom tại chuồng, đóng bao loại 50kg, để sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

+ *Tần suất thu gom*: 1 lần cuối lứa nuôi.

- Gà chết do giẫm đạp (không phải do dịch bệnh):

+ Số lượng gà chết trong quá trình chăm sóc (chủ yếu là do giẫm đạp) trong giai đoạn chăn nuôi vận hành thương mại như sau: Do trang trại áp dụng quy trình chăn nuôi theo quy mô công nghiệp và hiện đại, đồng thời gà giống sau khi đưa vào nuôi đã được tiêm các loại vắc xin phòng bệnh nên tỷ lệ gà chết rất nhỏ, ước tính tỷ lệ chết không vượt quá 0,5% trên tổng số gà trong một đợt nuôi, khoảng 300 con/lứa nuôi tương đương 7 con/ngày, gà chết thường vào giai đoạn gà từ 1 – 10 ngày tuổi, chết do giẫm đạp, cho nên ước tính trung bình 1 con gà chết nặng 0,3 kg. Dự kiến khối lượng gà chết khoảng 2 kg/ngày tương đương 90 kg/lứa, được thu gom hàng ngày và chôn lấp hợp vệ sinh. Hàm chôn lấp hủy xác gà chết được thiết kế đảm bảo an toàn sinh học.

+ Khi phát sinh gà chết không phải do dịch bệnh, xác gà được đưa xuống hầm. Trước khi bỏ xác gà chết vào hầm hủy, bên dưới đáy hầm phải được lót bằng một lớp vật liệu độn gồm trấu và mùn cưa với độ dày khoảng 5 cm nhằm tạo môi trường hút ẩm tốt cho hầm hủy xác và đập nắp bê tông kín miệng hầm chôn. Trên bề mặt khu vực hầm hủy xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m<sup>2</sup>.

+ Mỗi ngày, thu gom bỏ thêm gà chết vào hầm hủy xác và đập nắp lại, thì rải thêm một lớp vôi bột với lượng 0,8kg/m<sup>2</sup> phủ lên tấm đan, bề mặt khu vực hầm. Sau 2 – 3 tháng, xác gà chết dưới hầm đã phân hủy hoàn toàn thành mùn chứa nhiều hợp chất hữu cơ sẽ được công nhân thu gom, bán cho các đơn vị có nhu cầu làm nguyên liệu cho phân bón.

+ *Tần suất thu gom*: 1 ngày/lần

- Bao bì đựng thức ăn: Tổng khối lượng thức ăn cho gà tại trang trại tại giai đoạn này vào khoảng **229,86 tấn/lứa** (tùy theo mỗi giai đoạn phát triển của gà mà lượng thức ăn cung cấp cũng khác nhau). Trọng lượng mỗi bao thức ăn khoảng 50kg/bao, như vậy trong suốt quá trình chăn nuôi trang trại cần khoảng 4.597 bao thức ăn, khối lượng riêng của bao thức ăn rỗng là 30g/bao, như vậy tổng khối lượng bao bì đựng thức ăn ước tính: 4.597 bao x 30g/bao = 137,91 kg/lứa (tương đương 3,1 kg/ngày). Bao bì sẽ được thu gom bán lại cho đơn vị cung cấp thức ăn, hoặc có thể tái sử dụng để chứa phân tại trại nuôi.

+ Tần suất thu gom: 3 ngày/lần

#### 4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

**Chất thải rắn nguy hại:** Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh: bóng đèn huỳnh quang, pin thải, mực in,...ước tính khoảng 18,5kg/năm, cụ thể:

**Bảng 12: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại**

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, bao tay dính hoá chất/dầu mỡ	Rắn	01	18 02 01
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	02	13 02 01
3	Linh kiện điện tử, thuỷ tinh vỡ	Rắn	02	16 01 06
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	03	17 02 03
5	Pin thải	Rắn	0,5	19 06 01
6	Bao bì mềm thải	Rắn	05	18 01 01
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	05	18 01 03
8	Gà chết do dịch bệnh	Rắn	Không xác định	14 02 01
<b>Tổng cộng:</b>			<b>18,5</b>	

- *Hình thức lưu trữ:* Chất thải nguy hại được chủ cơ sở thu gom, phân loại theo chủng loại, dán nhãn cảnh báo, dán nhãn thông báo lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy trước khi được đưa vào kho chứa chứa chất thải nguy hại có diện tích 6m<sup>2</sup>.

- *Thiết bị lưu chứa:*

+ Thùng dung tích 90 lít, đảm bảo không hư hỏng, rò rỉ, kết cấu cứng chịu được va chạm, biến dạng trong quá trình sử dụng.

+ Số lượng: 2 thùng

+ Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, phuy sắt.

+ Bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- *Kho chứa chất thải nguy hại:*

+ Số lượng 01 kho, diện tích 6m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền đá bê tông kín khít, có gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trần là BTCT kiên cố, cách nhiệt nên che kín nắng, mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn theo

đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, có trang bị thiết bị PCCC, có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- *Tần suất thu gom*: 01 ngày/lần

- *Tần suất chuyển giao*: 01 năm/lần

- *Biện pháp xử lý*:

+ Các loại chất thải nguy hại như: Bao bì đựng thuốc sát trùng; chai, lọ vắc xin; ống kim tiêm... được Công ty cung cấp thuốc thú y tiến hành thu gom và trả về Công ty ngay sau khi sử dụng xong.

+ Các loại chất thải nguy hại khác: Bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ,... chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### ***Đối với gà chết do dịch bệnh:***

- Trong quá trình hoạt động, trang trại chưa phát sinh dịch bệnh gây chết hàng loạt gà trong trại. Chủ cơ sở chăn nuôi đã bố trí khu đất trống diện tích 200m<sup>2</sup> ở trong khuôn viên trang trại để dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh. Khi phát hiện gà chết do dịch bệnh, chủ cơ sở có trách nhiệm báo cáo với cơ quan thú y địa phương để tìm ra nguyên nhân gây chết và phòng tránh các bệnh dịch lây lan khác. Sau đó, tiến hành chôn lấp dưới sự chỉ đạo của cơ quan thú y. Việc chôn lấp đảm bảo đúng quy định QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Về thiết kế hầm chôn lấp gà chết: hầm chôn không được bố trí ở vùng ngập nước hoặc có mực nước ngầm nông, hố chôn nằm cuối hướng gió chính, chôn gần khu vực nhiều cây xanh để quá trình vô cơ hóa diễn ra nhanh chóng, hạn chế ô nhiễm môi trường.

+ Các bước tiến hành chôn lấp gà chết do dịch bệnh:

**Bước 1.** Khi việc đào hố hoàn tất, cho phân rác, chất độn chuồng xuống đáy hố.

**Bước 2.** Xếp xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu hủy xuống đáy hố

**Bước 3.** Rải một lớp vôi bột (0,8 -1kg/m<sup>2</sup>) lớp trên cùng đồng xác.

**Bước 4.** Lấp đất cho bằng miệng hố và nén chặt.

**Bước 5.** Tiếp tục

Đắp thêm đất ở trên miệng hố theo hình chóp cụt với chiều cao khoảng 0,6 - 1m và rộng ra xung quanh miệng hố 0,3 - 0,4m để tránh nước mưa chảy vào hố chôn.

Trọng lượng của khối đất phía trên có tác dụng ngăn chặn thú ăn thịt đào xác và giúp cho việc khử mùi, hấp thụ nước bẩn tạo ra do phân hủy.

**Bước 6.** Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 - 30cm và sâu 20 - 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa ra thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố chôn.

**Bước 7.** Trên bề mặt hố chôn, rắc vôi bột với lượng  $0,8\text{kg}/\text{m}^2$ , hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 - 0,25 lít/ $\text{m}^2$  để diệt mầm bệnh phát tán trong quá trình thao tác .

**Bước 8.** Sau khi hoàn tất việc chôn, phải đặt biển cảnh báo khu vực chôn lấp, cử người quản lý hố chôn trong 1-2 ngày đầu để tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm, hạn chế sự qua lại của người hay vật nuôi quanh khu vực chôn lấp.

## **5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học**

Biện pháp kỹ thuật âm học có thể xem là biện pháp nhằm tạo được môi trường âm thanh tiện nghi, môi trường làm việc có mức ồn đạt quy chuẩn, quy định. Các giải pháp kỹ thuật âm học cụ thể thường được áp dụng như sau:

- Thao tác bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm nhẹ nhàng.
- Thường xuyên bảo quản, sửa chữa kịp thời các máy móc, thiết bị theo định kỳ.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Các phương tiện vận tải ra vào trại nuôi phải giảm tốc độ.
- Hạn chế bóp còi khi xe lưu thông trong khu vực trại.
- Trồng cây xanh xung quanh trong khu vực trại nuôi, cây xanh ngoài chức năng tạo cảnh quan đẹp cho khu vực vừa có chức năng hút âm.

### **5.2. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng**

Để hạn chế mức độ ồn gây ra bởi máy phát điện khi vận hành máy, chủ trang trại sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện.
- Sử dụng vỏ cách âm cho máy phát điện và khí thải được phát tán ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao.
- Nền đế máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.
- Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

### 5.3. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do gà kêu

Quá trình cho gà ăn, uống được thực hiện bằng hệ thống tự động hoặc bán tự động nên nhu cầu thức ăn, nước uống cho gà được cung cấp đầy đủ, gà nuôi không bị đói nên hạn chế đáng kể tiếng kêu phát sinh.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trại nuôi, làm tăng cảnh quan khu vực đồng thời giảm ảnh hưởng của tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

## 6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH TRANG TRẠI.

### 6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải

#### 6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

#### 6.1.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải

- Đối với sự cố hệ thống xử lý bụi, mùi hôi
  - + Chủ trang trại bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra việc vận hành của hệ thống quạt hút sau các chuồng nuôi.
  - + Nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý.
  - + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
  - + Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp: phải lập tức báo cáo cấp trên khi có sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố.
  - + Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.
  - + Định kỳ quan trắc môi trường để đánh giá hiệu quả của công trình bảo vệ môi trường
- Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải:
  - + Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
    - ✓ Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
    - ✓ Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
    - ✓ Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.
- Đối với công trình xử lý nước thải chăn nuôi:

- + Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- + Lắp đặt thiết bị dự phòng để vận hành khi có hư hỏng thiết bị
- + Công nhân viên hành được tập huấn, đảm bảo khả năng vận hành trước khi giao vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- + Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.
- + Cơ sở sẽ thường xuyên kiểm tra, theo dõi để kịp thời phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải tại dự án.

### ***6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại***

Ký hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Gà chét trong quá trình chăn nuôi phải được thu gom, xử lý tại hầm ủ xác.

Xây dựng khu lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ trang trại sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành trang trại chăn nuôi đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

Để phòng chống các sự cố có thể xảy ra, chủ trang trại sẽ xây dựng phương án phòng chống sự cố như sau:

- Hệ thống điện được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn về điện.
- Huấn luyện cho toàn thể công nhân các biện pháp PCCC.
- Trang bị thiết bị PCCC.
- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho những công nhân làm việc.
- Khu vực lưu trữ các chất dễ cháy được bố trí riêng.
- Nâng cao ý thức của công nhân tại trang trại, bố trí khu vực hút thuốc riêng biệt cho công nhân trong giờ giải lao.

- Hạn chế lưu trữ các loại nhiên liệu dễ bốc cháy. Trường hợp phải lưu trữ các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

- Tiến hành các biện pháp vệ sinh công nghiệp chặt chẽ trong các chuồng nuôi

- Ban hành các nội quy và treo bảng an toàn nổ, cấm lửa, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại công trường và nơi lưu trữ nhiên liệu.

### **6.3. Phòng ngừa dịch bệnh**

Phòng chống dịch bệnh cho Trại chăn nuôi là công việc rất quan trọng, là quan tâm hàng đầu nhằm chủ động ngăn chặn và tiêu diệt các mầm bệnh phát sinh. Vì vậy, trại nuôi có kế hoạch phòng chống dịch bệnh như sau:

#### **6.3.1. Yêu cầu về sát trùng**

Trại nuôi, hệ thống cống rãnh, khu vực kho chứa thức ăn, dụng cụ chăn nuôi được vệ sinh đảm bảo sát trùng triệt để theo quy định của thú y.

Trại nuôi, nhà kho sau khi được vệ sinh sát trùng được để khô, sau đó mới cho thức ăn vào.

Công ra vào được đóng kín và có hồ sát trùng.

Có hồ sát trùng cho xe vận chuyển ra vào trại.

Trước lúc vào làm việc thay quần áo, giày dép đã sát trùng và rửa tay bằng dung dịch sát trùng.

Quần áo bảo hộ lao động được giặt sạch và sát trùng sau khi sử dụng.

#### **6.3.2. Vệ sinh phòng bệnh**

Trại nuôi có vành đai cách ly bên ngoài: Chủ trang trại sẽ tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh kín toàn bộ khu vực trại chăn nuôi và không cho các loại gia cầm, gia súc bên ngoài xâm nhập vào trại nuôi.

Các động vật cư trú truyền dịch bệnh cho đàn gà như chuột, chồn, côn trùng, chim tự nhiên,... được tiêu diệt theo hướng dẫn của thú y.

Thức ăn cho gà sạch, không bị vón cục.

Khi nghi ngờ gà bị ngộ độc thì ngừng cho ăn và báo cáo cán bộ thú y biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Sau khi chuyển gà ra khỏi dãy trại nuôi hoặc bán đều vệ sinh trại sạch sẽ, để trống trại ít nhất 2 tuần mới thả gà đọt mới để nuôi tiếp.

#### **6.3.3. Vệ sinh nguồn nước**

Nguồn nước dùng nuôi gà đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Các thiết bị chứa nước định kỳ vệ sinh.

Bên cạnh đó, định kỳ kiểm tra chất lượng nước ngầm.

#### **6.3.4. Vệ sinh thức ăn**

Kho chứa thức ăn thông thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, định kỳ sát trùng.

Kho chứa có biện pháp chống mối mọt, chuột, côn trùng phá hoại.

Các thiết bị chứa thức ăn định kỳ sát trùng, tẩy uế, tránh tình trạng tồn trữ thức ăn cũ gây hư mốc.

### **6.3.5. Vệ sinh nhân lực**

Người cũng là phương tiện trung gian truyền bệnh hoặc mang vi trùng. Một số bệnh có thể lây truyền từ người sang gà hoặc từ gà sang người. Vì vậy, định kỳ khám sức khỏe cho công nhân lao động tiếp xúc trực tiếp với đàn gà. Khi công nhân có dấu hiệu nhiễm bệnh, tiến hành đưa công nhân đến ngay Trạm y tế gần nhất để thăm khám và chữa bệnh. Sau đó tiến hành phun thuốc tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực trang trại để tránh tình trạng lan truyền dịch bệnh.

Ngoài ra, công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình chăn nuôi như: quần áo bảo hộ, giày ủng, găng tay,...

### **6.3.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị**

Mỗi dãy trại có những vật dụng như: chổi, xô, xẻng, dụng cụ đựng thức ăn, không sử dụng chung với các dụng cụ khác, những vật dụng này được làm vệ sinh hàng ngày.

Các loại dụng cụ thú y cũng trang bị riêng cho từng khu nuôi, không dùng chung. Trước và sau khi sử dụng, sát trùng kỹ lưỡng. Một số dụng cụ thú y như: dao, kéo,... định kỳ kiểm tra độ sắc bén.

### **6.3.7. Phát hiện bệnh sớm**

Tiến hành theo dõi và khám bệnh cho đàn gà trong trại để phát hiện ngay những con có dấu hiệu bệnh để có kế hoạch điều trị thích hợp. Việc phát hiện bệnh sớm có lợi cho công tác điều trị vì thông thường cứ phát hiện bệnh trễ thì mầm bệnh sẽ sinh sản nhanh, càng phát hiện trễ thì cơ thể gà bệnh càng bị suy nhược, khó điều trị.

Cách ly gà bệnh: khi gà bệnh có biện pháp cách ly gà khỏe mạnh với gà bệnh, có biện pháp tiêu độc tẩy uế kỹ trại gà bệnh. Biện pháp cách ly tích cực giúp hạn chế mầm bệnh lây lan.

Gà xuất khỏi trại phải có giấy chứng nhận sức khỏe và lịch dùng thuốc.

### **6.3.8. Điều trị bệnh sớm**

Sau khi phát hiện và chẩn đoán, nhanh chóng điều trị bằng thuốc hữu hiệu ngay từ đầu.

### **6.3.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro**

Khi phát hiện gà có biểu hiện lạ và chết trong trại chăn nuôi thì Chủ trang trại sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan Thú y quản lý ở địa phương hoặc Công ty cung cấp giống để kịp thời ứng cứu. Ngoài ra, trại nuôi thực hiện các biện pháp sau:

- Không đưa gà có biểu hiện bệnh, chết và chất thải của con gà ra khỏi trại chăn nuôi



- Đặt các điểm kiểm soát, khử trùng các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào trại trong thời gian có biểu hiện lạ.

- Cách ly gà bị bệnh để theo dõi, phun thuốc sát trùng trại nuôi nhằm giảm thiểu dịch bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các con gà còn lại.

- Khi gà bị chết hàng loạt, chủ trang trại báo ngay với Chi cục Thú y tỉnh Tây Ninh và các đơn vị khác có liên quan để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp lý.

- Khi trại nuôi phát sinh sự cố như: phát sinh ruồi, muỗi, công nhân lập tức tiến hành dọn dẹp, vệ sinh, sát trùng trại. Đồng thời tiến hành rà soát quy trình chăn nuôi trong toàn trại nuôi để tránh phát sinh sự cố tiếp theo.

#### **6.4. Biện pháp an toàn lao động**

- Quy định các nội quy làm việc tại nhà máy, bao gồm nội quy ra, vào làm việc; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy về an toàn điện; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ...

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội quy cho công nhân bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động.

### **7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:**

Không có.

### **8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Trang trại không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

### **9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Trang trại không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

### **10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của Hộ chăn nuôi Trịnh Văn Năm tại ấp Phước Tân 3, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 05/5/2021.

Trong quá trình hoạt động, cơ sở có một số nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

**Bảng 13: Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt**

STT	Nội dung	Trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi
1	Buồng xử lý khí thải	-	03 buồng xử lý khí thải 80 m <sup>2</sup>
2	Khu xử lý phân	Khu xử lý phân: Phân gà được thu gom vào nhà chứa phân và bán lại cho đơn vị thu mua có nhu cầu làm phân bón.	Không xây dựng khu xử lý phân. Phân gà được ủ tại chuồng nuôi, sau khi xuất bán gà sẽ được thu gom đóng bao loại 50kg và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.
3	Chuồng cách ly	Chuồng cách ly	Không xây dựng chuồng cách ly gà yếu, chậm phát triển. Chủ trang trại theo dõi đàn gà thường xuyên, nếu phát hiện gà yếu, chậm phát triển sẽ cách ly tại cuối chuồng nuôi (vây lại một góc riêng để theo dõi).
4	Cây xanh, đất trồng	5.044,5 m <sup>2</sup>	5.656,5 m <sup>2</sup>
5	Quy trình xử lý nước thải	Nước thải vệ sinh chuồng trại -> Song chắn rác -> Hồ lắng 3 ngăn -> Mương sinh học -> Nước thải đạt cột A QCVN 62-MT:2016/BTNMT	Nước thải vệ sinh chuồng trại -> Song chắn rác -> Hồ lắng 3 ngăn -> Mương sinh học
6	Vị trí, thông số giám sát, tần suất giám sát môi trường không khí	- 02 điểm phía sau trại nuôi. - Thông số giám sát: H <sub>2</sub> S, NH <sub>3</sub> - Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.	- 01 điểm phía sau trại nuôi. - Thông số giám sát: H <sub>2</sub> S, NH <sub>3</sub> , Bụi. - Tần suất giám sát: 2 lần/năm
7	Vị trí, thông số giám sát, tần suất giám sát môi trường nước thải	- 01 điểm tại điểm xả ra môi trường. - Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD <sub>5</sub> , N tổng, Coliform. - Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.	Không thực hiện

## CHƯƠNG IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

##### *a) Nguồn phát sinh nước thải*

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi (03 chuồng trại), lưu lượng 1,0m<sup>3</sup>/ngày.đêm/chuồng nuôi.

- Nguồn số 03: Nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, lưu lượng 1,0m<sup>3</sup>/ngày.

##### *b) Lưu lượng xả nước thải tối đa:*

Tổng lưu lượng nước thải tối đa phát sinh trong một ngày của trang trại chăn nuôi là 2,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

##### *c) Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận*

- Dòng nước thải số 01: nguồn số 01 được thu gom về bể tự hoại rồi dẫn về mương sinh học 01 để xử lý đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT.

- Dòng nước thải số 02: nguồn số 02, 03 được thu gom về bể lắng ba ngăn rồi dẫn về mương sinh học số 02 xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi-QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

##### *d) Nguồn tiếp nhận nước thải*

Hai (02) mương sinh học trong khuôn viên Trại chăn nuôi gà.

##### *đ) Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải*

- Vị trí xả nước thải:

+ Tại mương sinh học số 1 tọa độ: X = 1254 509; Y = 579 430.

+ Tại mương sinh học số 2 tọa độ: X = 1254 533; Y = 579 298.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° 30', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

- Chế độ xả thải: liên tục.

- Công trình xử lý nước thải ngoài phạm vi dự án: không có

##### *e) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*

- Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 01 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A cụ thể như sau:

**Bảng 14: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt**

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	TSS	mg/L	50	
3	TDS	mg/L	500	
4	BOD <sub>5</sub>	mg/L	30	
5	Sunfua	mg/L	1	
6	Amoni	mg/L	5	
7	Nitrat	mg/L	30	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5	
10	Phosphat	mg/L	6	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

- Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 02 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT: 2016/BTNMT.

## **2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI**

### ***a) Nguồn phát sinh khí thải chính đề nghị cấp phép***

- Nguồn số 01 - chuồng số 01: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 01 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 02 - chuồng số 02: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 02 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 03 - chuồng số 03: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 03 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 04: bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 150 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 283 m<sup>3</sup>/giờ.

### ***b) Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải***

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.800 m<sup>3</sup>/giờ/quạt hút.

- Nguồn khí thải số 04: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 283 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

**c) Dòng khí thải**

- Dòng khí thải từ số 01 đến số 03: dòng khí thải phát sinh sau các quạt hút cuối mỗi dây chuồng nuôi.

- Dòng khí thải số 04: dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng sẽ thoát trực tiếp ra môi trường thông qua ống khói Inox, cao 3m.

**d) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải**

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 03 đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN 05:2023/BTNMT:

**Bảng 15: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải xung quanh**

TT	Tên chất	Đơn vị	Thời gian trung bình	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H <sub>2</sub> S	µg/Nm <sup>3</sup>	1 giờ	42	02lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	NH <sub>3</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	1 giờ	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm <sup>3</sup>	24 giờ	200		

- Nguồn khí thải số 04 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kp = 1,0 và Kv = 1,0.

**Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải công nghiệp**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	$P \leq 20.000$	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		

**đ) Vị trí, phương thức xả khí thải vào nguồn tiếp nhận khí thải**

- Vị trí xả thải:

+ Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 01, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1254 498; Y = 579 296.

+ Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 02, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1254 509; Y = 579 297.

+ Nguồn khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 03, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1254 533; Y = 579 310.

+ Nguồn khí thải số 04: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng của Trại chăn nuôi thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1254 516; Y = 579 484.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>o</sup>30' múi chiếu 3<sup>o</sup>)

- Phương thức xả thải:

+ Nguồn khí thải từ số 01 đến số 03: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 10 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

+ Nguồn khí thải số 04: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

- Chế độ xả thải: gián đoạn

- Công trình xử lý khí thải trong và ngoài phạm vi dự án: không có

### 3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### a) Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép

- Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng số 01.

- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng số 02.

- Nguồn số 03: phát sinh từ hoạt động của dây chuồng số 03.

- Nguồn số 04: phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

#### b) Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Các nguồn thải trên nếu được khống chế tốt và xử lý cục bộ bằng các biện pháp quản lý kỹ thuật hợp lý thì tiếng ồn và độ rung sẽ đạt giới hạn cho phép. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/ BTNMT, cụ thể như sau:

**Bảng 17: Giá trị giới hạn đối với độ ồn**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	không	Khu vực thông thường

**Bảng 18: Giá trị giới hạn đối với độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	không	Khu vực thông thường

**c) Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn 1: tọa độ: X = 1254 498; Y = 579 296.
- Nguồn 2: tọa độ: X = 1254 509; Y = 579 297.
- Nguồn 3: tọa độ: X = 1254 533; Y = 579 310.
- Nguồn 4: tọa độ: X = 1254 516; Y = 579 484.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$  múi chiều  $3^{\circ}$ )

**4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI**

**4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh**

**a) Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh**

**Bảng 19: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

STT	Loại chất thải	Định mức (kg/người.ngày)	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của 06 công nhân viên	0,5	3

**b) Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

**Bảng 20: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng chất thải phát sinh	Mã chất thải
1	Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng	Rắn	256,26 tấn/lúa	14 01 12
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Gà chết không do dịch bệnh)	Rắn	90 kg/lúa	13 02 04
3	Bao bì đựng thức ăn	Rắn	137,91 kg/lúa	18 01 06
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>256,488 tấn/lúa</b>	

**c) Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh**

**Bảng 21: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại**

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, bao tay dính hoá chất/dầu mỡ	Rắn	01	18 02 01
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	02	13 02 01
3	Linh kiện điện tử, thủy tinh vỡ	Rắn	02	16 01 06
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	03	17 02 03

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
5	Pin thải	Rắn	0,5	19 06 01
6	Bao bì mềm thải	Rắn	05	18 01 01
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	05	18 01 03
8	Gà chết do dịch bệnh	Rắn	Không xác định	14 02 01
<b>Tổng cộng :</b>			<b>18,5</b>	

## 4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- *Thiết bị lưu chứa:*

+ Thùng rác dung tích 60 lít.

+ Số lượng: 3 thùng.

+ Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

- *Khu vực lưu chứa:* bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- *Biện pháp xử lý:* Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- *Tần suất thu gom:* 3 ngày/lần.

### 4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại)

*a) Thiết bị lưu chứa:*

- Phân gà và trấu được ủ tại chỗ trong chuồng nuôi. Sau khi xuất gà sẽ được thu gom, đóng bao loại 50 kg và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom tận dụng để chứa phân gà lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu. Các loại phế liệu được lưu trong khu vực chứa và bán cho đơn vị có nhu cầu.

- Đối với gà chết không do dịch bệnh được công nhân tại trại chăn nuôi thu gom hàng ngày và xử lý tại hố hủy xác gà chết bằng bê tông có diện tích 6m<sup>2</sup>, có nắp đậy kín.

*b) Khu vực lưu chứa:*

- Phân gà và trấu, sau khi xuất gà, chủ dự án thu gom sạch sẽ, đóng bao bán cho các đơn vị có nhu cầu. Phân gà và trấu được lưu chứa tại khu xử lý phân sau khi xuất bán gà trong chuồng nuôi và phun chế phẩm EM hạn chế mùi hàng ngày, sau đó xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. Không để ứ đọng lâu ngày để phát sinh mùi hôi đến môi trường xung quanh.



- Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được tái sử dụng cho đựng phân gà, rác tái chế được đưa về kho, phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương.

- Gà chết không do dịch bệnh được thu gom đem chôn lấp hợp vệ sinh bằng hố chôn bê tông, kích thước 3,0m x 2,0m x 1,2m (thể tích 7,2m<sup>3</sup>), đảm bảo an toàn sinh học.

**c) Tần suất thu gom:**

- Phân gà và trấu: 01 lần cuối lứa nuôi.
- Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, rác tái chế: 3 ngày/lần.
- Gà chết không do dịch bệnh: 1 ngày/lần.

**4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

**a) Thiết bị lưu chứa**

Thiết bị lưu giữ phải có vỏ chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

Bao bì lưu giữ sẽ được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: tên và mã chất thải nguy hại, ngày bắt đầu được đóng gói, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước 5 cm mỗi ngày.

**b) Khu vực lưu chứa trong nhà**

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20m<sup>2</sup> được xây dựng tường gạch, nền xi măng có mái che, có cửa khóa, có phân ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm khác, tránh khả năng gây phản ứng hóa học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH. Trước cửa có biển cảnh báo “Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại”.

Trong từng ô hoặc bộ phận riêng có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707 – 2009 về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, vật liệu, mực của dấu hiệu và các dòng chữ không bị mờ hoặc phai màu.

**c) Tần suất thu gom:** 01 năm/lần, đơn vị có chức năng thu gom chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hoặc vùng lân cận sẽ đến mang đi xử lý đúng quy định.

## CHƯƠNG V

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở “Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín” của ông Trịnh Văn Năm làm chủ đầu tư được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trại trại chăn nuôi gà thịt tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 05/05/2021. Cụ thể như sau:

#### 1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Tổng lượng nước thải tối đa phát sinh trong một ngày của trang trại chăn nuôi là 2,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (Nước thải sinh hoạt phát sinh 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; nước thải chăn nuôi phát sinh 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

Nước qua hệ thống xử lý được lưu chứa tại mương sinh học và tự bốc hơi, không thải ra ngoài môi trường, nên không có quan trắc môi trường đối với nước thải.

#### 2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

##### 2.1. Chỉ tiêu đo đạc và phân tích

Do đây là cơ sở chăn nuôi, nên các chỉ tiêu Bụi, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub> là thành phần chủ yếu có trong khí thải chăn nuôi. Chủ cơ sở phối hợp với đơn vị quan trắc môi trường lấy mẫu để phân tích, đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án.

##### 2.2. Thời, gian, vị trí lấy mẫu

- Thời gian quan trắc: Ngày 09/4/2024.
- Vị trí lấy mẫu: Sau buồng thu gom xử lý mùi của chuồng nuôi
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 1 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN): QCVN 05:2023/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh.

##### 2.3. Kết quả đo đạc, phân tích

**Bảng 22: Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc bụi, khí thải**

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		KẾT QUẢ	GIỚI HẠN CHO PHÉP	TIÊU CHUẨN SO SÁNH
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	145	300	<b>QCVN 05:2023/BTNMT</b>
2	NO <sub>2</sub> ,	mg/Nm <sup>3</sup>	51,7	200	
3	SO <sub>2</sub> ,	mg/Nm <sup>3</sup>	60,9	350	

4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	4.282	<b>30.000</b>
5	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	35,3	<b>200</b>
6	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	HPH	<b>42</b>

**Ghi chú:** HPH: Không phát hiện.

#### 2.4. Đánh giá kết quả mẫu

Kết quả phân tích các mẫu khí thải tại dự án đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

### 3. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC DƯỚI ĐẤT

#### 2.1. Chỉ tiêu đo đạc và phân tích

Các chỉ tiêu trong nước dưới đất được đo đạc và phân tích chủ yếu gồm: COD, BOD<sub>5</sub>, Coliform, Pb, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, TS, Vi khuẩn hiếu khí, Zn, NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, F<sup>-</sup>, As, Mn, Cd, Hg, pH, Độ cứng tổng số, Cl<sup>-</sup>, Fe, CN<sup>-</sup>, Cu. Chủ cơ sở phối hợp với đơn vị quan trắc môi trường lấy mẫu để phân tích, đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án.

#### 2.2. Thời, gian, vị trí lấy mẫu

- Thời gian quan trắc: Ngày 06/4/2024.
- Vị trí điểm lấy mẫu: Vòi nước từ giếng khoan trong dự án.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 1 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN): QCVN 01-39:2011/BNNPTNT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú.

#### 2.3. Kết quả đo đạc, phân tích

**Bảng 23: Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước dưới đất**

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		KẾT QUẢ	GIỚI HẠN CHO PHÉP	TIÊU CHUẨN SO SÁNH
1	BOD <sub>5</sub>	mg/l	KPH	<b>6</b>	<b>QCVN 01-39:2011/BNNPTNT</b>
2	COD	mg/l	KPH	<b>10</b>	
3	Coliform	mg/l	KPH	<b>30</b>	

4	Coliform chịu nhiệt	mg/l	KPH	<b>0</b>
5	Pb	mg/l	KPH	<b>0,1</b>
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/l	0,36	<b>50</b>
7	TS	mg/l	302	<b>3.000</b>
8	Vi khuẩn hiếu khí	mg/l	KPH	<b>10.000</b>
9	Zn	mg/l	KPH	<b>5</b>
10	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	mg/l	KPH	<b>3</b>
11	F <sup>-</sup>	mg/l	KPH	<b>1,5</b>
12	As	mg/l	KPH	<b>50</b>
13	Mn	mg/l	KPH	<b>0,5</b>
14	Cd	mg/l	KPH	-
15	Hg	mg/l	KPH	<b>100</b>
16	pH	mg/l	7,9	-
17	Độ cứng tổng số	mg/l	47,6	<b>350</b>
18	Cl <sup>-</sup>	mg/l	31,5	<b>300</b>
19	Fe	mg/l	KPH	<b>0,5</b>
20	CN <sup>-</sup>	mg/l	KPH	<b>0,07</b>
21	Cu	mg/l	KPH	<b>2</b>

**Ghi chú:** HPH: Không phát hiện.

#### **2.4. Đánh giá kết quả mẫu**

Kết quả phân tích các mẫu khí thải tại dự án đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01-39:2011/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi.

## CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ cơ sở sẽ thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

**Bảng 24: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Nội dung/Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc/công trình giám sát	Tần suất	Tiêu chuẩn so sánh
<b>1. Giám sát chất lượng khí thải</b>			
01 điểm phía sau chuồng nuôi (sau buồng xử lý khí thải)	H <sub>2</sub> S, NH <sub>3</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP)	02 lần/năm	QCVN 05:2023/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
<b>2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại</b>			
Kiểm kê kho chứa chất thải tập trung của dự án: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.	Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận từ loại chất thải	Thường xuyên, liên tục	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

Trong quá trình thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, chủ cơ sở sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề quan trắc.

### 2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Chủ cơ sở sẽ bố trí kinh phí để thực hiện quan trắc môi trường các thành phần môi trường theo quy định, cụ thể như sau:

**Bảng 25: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

<b>STT</b>	<b>Chương trình giám sát</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Tần suất lần/năm</b>	<b>Kinh phí thực hiện (VNĐ)</b>	<b>Tổ chức quản lý và vận hành</b>
1	Giám sát khí thải	Sau buồng thu gom xử lý	02	12.000.000	Chủ cơ sở
2	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	Hệ thống, công trình thu gom, xử lý	Thường xuyên	10.000.000	Chủ cơ sở
<b>Tổng cộng:</b>				<b>22.000.000</b>	

**CHƯƠNG VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA**  
**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Năm 2023, Hộ kinh doanh Trịnh Văn Năm không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan chức năng có thẩm quyền đối với Cơ sở “Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín”.

## CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN CƠ SỞ

Hộ kinh doanh Trịnh Văn Năm là chủ đầu tư của Cơ sở “Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín” cam kết:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đã nêu ở báo cáo này, đảm bảo các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại,...) phát sinh do hoạt động của dự án đều nằm trong giới hạn cho phép của các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam như:

+ Môi trường không khí: Các chất ô nhiễm trong khí thải của dự án khi phát tán ra môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ Độ ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT).

+ Quản lý nội quy trang trại theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

+ Tiêu hủy xác heo chết theo QCVN 01–41:2011/BNNPTNT ngày 06/5/2011 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Nước thải chăn nuôi đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

+ Nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14-2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được quản lý chặt chẽ, thu gom và hợp đồng xử lý triệt để. Đối với các loại chất thải nguy hại đảm bảo thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc những nội dung chủ đầu tư đã cam kết với Chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường hàng năm.

- Trường hợp các sự cố môi trường, rủi ro môi trường xảy ra trong quá trình triển khai dự án, chủ đầu tư cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường.

- Chủ cơ sở cam kết ngừng ngay mọi hoạt động chăn nuôi khi không đảm bảo về công tác xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, thú y, nhân dân phản ánh. Chủ cơ sở chỉ chăn nuôi trở lại khi thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định.



- Cam kết thực hiện các yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã được phê duyệt của dự án.

- Cam kết chịu trách nhiệm pháp lý về số liệu, tài liệu và thông tin về dự án để lập báo cáo này.

Chủ cơ sở xin cam kết các điều khoản đã ghi trên đây và chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu để xảy ra vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

## **PHỤ LỤC**